

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2014**

*Hà Nội, tháng 2 năm 2015*



## MỤC LỤC

	Trang
<b>I. THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY</b> .....	<b>4</b>
1. Thông tin cơ bản về Công ty.....	4
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	6
3. Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	7
4. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông .....	9
5. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính .....	10
6. Định hướng phát triển.....	12
7. Các rủi ro .....	14
<b>II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM</b> .....	<b>18</b>
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	18
2. Tổ chức và nhân sự.....	19
3. Tình hình tài chính.....	36
4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu .....	38
<b>III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc</b> .....	<b>39</b>
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh .....	39
2. Tình hình tài chính.....	42
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	45
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai .....	48
<b>IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty</b> .....	<b>49</b>
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	49
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty.....	50
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	51
<b>V. Quản trị Công ty</b> .....	<b>53</b>
1. Hội đồng quản trị.....	53
2. Ban kiểm soát.....	60
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.....	60




<b>VI. Báo cáo tài chính</b> .....	<b>63</b>
1. Ý kiến kiểm toán.....	63
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	63





## I. THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY

### 1. Thông tin cơ bản về Công ty

- Tên tiếng Việt** : CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9  
**Tên tiếng Anh** : SONGDA 9 CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY  
**Tên viết tắt** : SICCO
- Logo** :  : SICCO
- Trụ sở chính** : Tầng 5, Tòa nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại** : (+84-4) 33868243.  
**Fax** : (+84-4) 33868243.  
**Website** : [www.sicco.com.vn](http://www.sicco.com.vn); [www.sicco.vn](http://www.sicco.vn)  
**Email** : [info@sicco.com.vn](mailto:info@sicco.com.vn)
- Vốn điều lệ đăng ký** : 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng).  
**Vốn điều lệ thực góp** : 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng).  
**Giấy chứng nhận ĐKKD số** : 0500574676 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 27 tháng 01 năm 2015.

**Ngày trở thành công ty đại chúng:** 17/04/2014

#### **Ngành nghề kinh doanh:**

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500574676 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 27 tháng 01 năm 2015, ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty như sau:

- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất, xây dựng công trình cửa như: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... Đập và đê, xây dựng đường hầm; các công việc xây dựng khác không phải nhà như: các công trình thể thao ngoài trời;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích





- Hoạt động xây dựng chuyên dụng: Xây dựng nền móng của tòa nhà gồm đóng cọc, thử độ ẩm và các công việc thử nước, Chống ẩm các tòa nhà, chôn chân trụ, dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, uốn thép, xây gạch và đặt đá, lợp mái bao phủ tòa nhà; Dụng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá hủy các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng treo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao; Các công việc dưới bề mặt; Xây dựng bể bơi ngoài trời; Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài tòa nhà; Thuê cần trục có người điều khiển.
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng: làm sạch mặt bằng xây dựng; vận chuyển đất: đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá, nổ mìn. Chuẩn bị mặt bằng để khai thác như: chuyển vật công kênh và các hoạt động chuẩn bị, phát triển khác đối với các mặt bằng và tài sản khoáng sản, ngoại trừ ở những vùng dầu và khí; Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý hoặc các mục đích tương tự; hệ thống cấp thoát nước mặt bằng xây dựng; hệ thống cấp thoát nước nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện như máy biến thế, rowle, cầu dao, cầu chì,...); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy công nghiệp.
- Sửa chữa máy móc, thiết bị
- Khai thác quặng sắt (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép)
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Mua bán điện
- Cho thuê xe có động cơ: Cho thuê ô tô



- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (trừ mặt hàng Nhà nước cấm)
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu: Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại.

## **2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí và Sửa chữa Sông Đà 9 theo quyết định số 29/2010/QĐ-HĐQT ngày 08/05/2010 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9 với mục đích thay đổi, mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh.

Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 là một trong những thành viên của Công ty cổ phần Sông Đà 9, chuyên về thi công cơ giới các công trình thủy điện, nhiệt điện, giao thông, công trình công nghiệp, dân dụng và các công trình khác. Kế thừa và phát huy truyền thống, kinh nghiệm thi công từ Công ty cổ phần Sông Đà 9, Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 đã và đang được sự tin nhiệm cao từ các tổng thầu, chủ đầu tư lớn: Tổng công ty Sông Đà, Công ty cổ phần Sông Đà 9, các chủ đầu tư thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam, Ban quản lý các dự án đường thủy nội địa Phía Bắc (PMU-NIW), Bộ giao thông vận tải.

Với mục đích thay đổi, mở rộng lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh, lấy xây lắp thi công cơ giới các công trình thủy điện và thủy lợi, giao thông và hạ tầng kỹ thuật làm lĩnh vực hoạt động chính, Công ty chủ trương hoàn thiện bộ máy tổ chức, thành lập chi nhánh thành viên, các đội trực thuộc tham gia sâu rộng vào tiến trình xây dựng hiện đại đổi mới trên mọi miền tổ quốc.



### 3. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Sơ đồ tổ chức Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.



#### Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm thảo luận và phê chuẩn những chính sách dài hạn và ngắn hạn về phát triển của Công ty, quyết định về cơ cấu vốn, quyết định về đầu tư, kinh doanh, chuyển nhượng, thế chấp giá trị lớn, quyết định về sáp nhập, mua lại hợp nhất, chia tách công ty, bầu ra bộ máy quản lý và điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty được quy định chi tiết tại Điều lệ Công ty.

#### Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông mà không được ủy quyền. Hội đồng quản trị có nhiệm vụ quyết định chiến lược phát triển của Công ty; xây dựng các kế hoạch phát triển kinh doanh; xây dựng cơ cấu tổ chức; quy chế quản lý; đưa ra các quyết định nhằm đạt được mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Cơ cấu Hội đồng quản trị đương nhiệm:





- |                        |                   |                            |
|------------------------|-------------------|----------------------------|
| - Ông Nguyễn Công Hùng | - Chủ tịch HĐQT   |                            |
| - Ông Nguyễn Đăng Lanh | - Thành viên HĐQT | Miễn nhiệm ngày 29/01/2015 |
| - Ông Nguyễn Văn Đại   | - Thành viên HĐQT | Miễn nhiệm ngày 29/01/2015 |
| - Ông Nguyễn Chính Đại | - Thành viên HĐQT |                            |
| - Ông Trần Nhân Nghĩa  | - Thành viên HĐQT |                            |
| - Ông Hoàng Công Tuấn  | - Thành viên HĐQT | Bổ nhiệm ngày 29/01/2015   |
| - Ông Lương Thanh Tùng | - Thành viên HĐQT | Bổ nhiệm ngày 29/01/2015   |

#### **Ban Kiểm soát**

Là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị, hoạt động điều hành kinh doanh của Giám đốc; trong ghi chép của sổ kế toán và báo cáo tài chính. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với hội đồng quản trị và Ban giám đốc. Cơ cấu Ban kiểm soát đương nhiệm:

- |                         |                  |                            |
|-------------------------|------------------|----------------------------|
| - Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng | - Trưởng BKS     | Miễn nhiệm ngày 29/01/2015 |
| - Bà Trần Thị Len       | - Trưởng BKS     | Bổ nhiệm ngày 29/01/2015   |
| - Ông Phan Thanh Hải    | - Thành viên BKS |                            |
| - Ông Quàn Thanh Sơn    | - Thành viên BKS |                            |

#### **Ban Giám đốc Công ty**

Ban Giám đốc là cơ quan điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị về toàn bộ việc tổ chức sản xuất kinh doanh, thực hiện các biện pháp nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của Công ty. Ban Giám đốc gồm:

- |                         |                |                            |
|-------------------------|----------------|----------------------------|
| - Ông Nguyễn Công Hùng  | - Giám đốc     | Miễn nhiệm ngày 16/01/2015 |
| - Ông Hoàng Công Tuấn   | - Giám đốc     | Bổ nhiệm ngày 16/01/2015   |
| - Ông Nguyễn Chính Đại  | - Phó giám đốc |                            |
| - Ông Nguyễn Quang Hưng | - Phó giám đốc |                            |
| - Ông Lê Công Viên      | - Phó giám đốc |                            |

**Các phòng ban, đội**

Các phòng ban, bộ phận trong Công ty thực hiện các công việc chức năng nhằm đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban giám đốc được hiệu quả và đúng luật.

**4. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông**

**4.1 Cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9**

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Công ty cổ phần chứng khoán IB	Tầng 8, Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	250.000	5,00
2	Đào Gia Thắng	Tiến Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	361.500	7,23
<b>Tổng cộng:</b>			<b>611.500</b>	<b>12,23</b>

**4.2 Cổ đông sáng lập của Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9**

Theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2010, cổ đông sáng lập của Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 gồm có:

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Loại cổ phần	Số cổ phần	Vốn góp (đồng)	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Ông Nguyễn Đăng Lanh	Phòng 206 H4 phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội		40.000	400.000.000	0,8
2	Ông Nguyễn Công Hùng	P.1012 CT3B, KĐT Văn Quán, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội.		50.000	500.000.000	1,0
3	Công ty cổ phần Sông Đà 9	Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội		2.550.000	25.500.000.000	51,0
<b>Tổng cộng:</b>				<b>2.640.000</b>	<b>26.400.000.000</b>	<b>52,8</b>





Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 đã đi vào hoạt động từ ngày 31/05/2010 và căn cứ vào quy định tại điều 84, khoản 5, Luật Doanh nghiệp 2005 thì thời hạn hiệu lực của việc hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập là ngày 31/05/2013. Như vậy, đến thời điểm hiện nay mọi hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

#### 4.3 Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 31/12/2014 được phân loại như sau:

TT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng	Cổ phiếu sở hữu	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ trên Vốn điều lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	345	5.000.000	50.000.000.000	100
	- Cá nhân	344	4.750.000	47.500.000.000	95
	- Tổ chức	1	250.000	2.500.000.000	5
2	Cổ đông ngoài nước	-	-	-	-
	- Cá nhân	-	-	-	-
	- Tổ chức	-	-	-	-
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>345</b>	<b>5.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>100</b>

### 5. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính

#### ❖ Sản phẩm và dịch vụ chính

Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 hoạt động chính trong lĩnh vực xây lắp thi công cơ giới các công trình thủy điện và thủy lợi, giao thông và hạ tầng, sản xuất cơ khí. Doanh thu và lợi nhuận của Công ty chủ yếu từ các hoạt động này.

#### ▪ Lĩnh vực xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi

Công ty đã tham gia xây dựng Nhà máy thủy điện Sơn La, thủy điện Lai Châu, thủy điện Xêkaman 3, thủy điện Trung Sơn, thủy điện Nậm Khánh, Kè và chỉnh trị Sông Hồng và Sông Ninh Cơ, Nhiệt điện Long Phú, Nhiệt điện Vũng Áng, ... với các sản phẩm chủ yếu là: đập đầu mối; một số hạng mục công trình của tuyến năng lượng; khai thác mỏ vật liệu trong phạm vi công trình phục vụ cho xây lắp; hệ thống đường giao thông nội bộ công trường; tuyến ống áp lực của một số công trình thủy điện nhỏ... Tỷ trọng giá trị sản lượng và doanh thu của lĩnh vực này ước chiếm khoảng 70 - 80% tổng sản lượng và doanh thu trong quá trình phát triển của Công ty.



#### ▪ Lĩnh vực giao thông

Các công trình giao thông mà Công ty đảm nhận thi công bao gồm: Công trình đường giao thông bên Lào; Hệ thống đường thi công thuộc Công trình thủy điện Lai Châu và thủy điện Trung Sơn; ... Tỷ trọng giá trị sản lượng của lĩnh vực này chiếm khoảng 7-10% tổng sản lượng và doanh thu trong quá trình phát triển của Công ty.

#### ▪ Sản xuất cơ khí

Sản xuất kinh doanh điện, sản xuất các cấu kiện cơ khí phi tiêu chuẩn. Ước tính tỷ trọng giá trị sản lượng của lĩnh vực này chiếm khoảng 5- 7% tổng sản lượng và doanh thu trong quá trình phát triển của Công ty, bao gồm: Đường ống áp lực Thủy điện Nậm Khánh, đường ống áp lực thủy điện Nậm Ngần, cầu Bailey công trình Trung Sơn, cầu Bailey công trình Hòa Na, nhà xưởng Nhà máy xi măng Hạ Long...

#### ▪ Các lĩnh vực khác

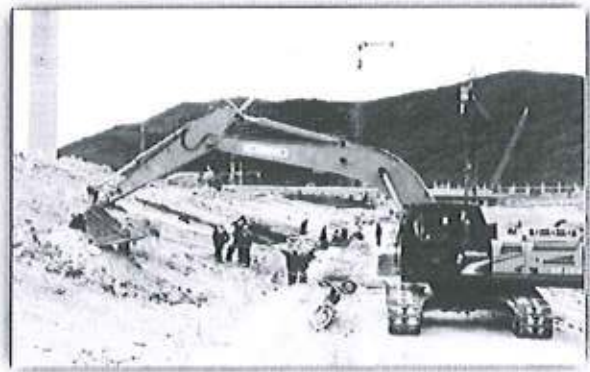
Dịch vụ kinh doanh vật tư sắt thép Đà Nẵng, kinh doanh khác, chiếm tỷ trọng khoảng 3 - 10% tổng sản lượng và doanh thu trong quá trình phát triển của Công ty.

Một số dự án của Công ty

#### Công trình nhiệt điện Long Phú



#### Công trình nhiệt điện Vũng Áng



#### Dự án WB



#### Dự án thủy điện Lai Châu



**Thủy điện Bắc Mê**



**Công trình khai thác mỏ Núi Pháo**



## **6. Định hướng phát triển**

### **6.1. Chính sách chất lượng**

“Chất lượng cho từng sản phẩm” luôn luôn là mục tiêu phấn đấu của Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 (SICCO), là uy tín, danh dự để công ty tồn tại và phát triển. Bằng những bước đi vững chắc, những điều SICCO muốn mang đến cho khách hàng mỗi ngày chính là sự tin tưởng cho từng dự án mọi lúc và mọi nơi. Công ty luôn không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng công trình cung cấp cho khách hàng, đặt lợi ích của khách hàng và cộng đồng lên hàng đầu.

Để đảm bảo được chất lượng tốt nhất cho mỗi công trình Công ty tạo ra, Chúng tôi cam kết thiết lập và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng đáp ứng theo các yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2008, và cải tiến thường xuyên tính hiệu lực của Hệ thống chất lượng.

Xây dựng, duy trì, phát triển đội ngũ nhân viên giàu nhiệt huyết, chuyên môn cao, làm việc chuyên nghiệp không ngừng phấn đấu vì mục tiêu chất lượng công trình.

Phương châm công ty đề ra :

- Cung cấp các công trình xây dựng đảm bảo đạt “An toàn - Chất lượng - Tiến độ” và không ngừng cải tiến để đáp ứng tối đa yêu cầu của khách hàng.
- Nâng cao sự hài lòng của khách hàng bằng việc liên tục cải tiến hệ thống quản lý chất lượng và chất lượng sản phẩm theo nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Tạo niềm tin và uy tín đối với khách hàng thông qua việc cung cấp các sản phẩm có chất lượng tốt, ổn định đáp ứng, thoả mãn các yêu cầu của khách hàng cũng như các yêu cầu của Luật pháp.



## 6.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Trong suốt quá trình phát triển của mình, Công ty luôn giữ vững phương châm “Chất lượng và đảm bảo tiến độ là thương hiệu”, để đạt được điều đó Công ty đã không ngừng đầu tư công nghệ, đào tạo nâng cao trình độ nguồn nhân lực. Công ty luôn đưa ra những quyết sách phù hợp với tình hình thực tế từng thời kỳ để giữ vững vị thế là một trong những công ty hàng đầu về lĩnh vực thi công các công trình thủy lợi, thủy điện. Bên cạnh đó, Công ty cũng chú trọng vào các lĩnh vực khác như: kinh doanh sản xuất các sản phẩm cơ khí công trình, cung cấp sắm lốp... góp phần nâng cao doanh thu cho công ty. Cụ thể như sau:

- Tập trung thi công các công trình đã ký kết, đảm bảo đúng tiến độ, đúng chất lượng kỹ thuật.
- Nhanh chóng nghiệm thu các công trình đã hoàn thành, thúc đẩy quá trình thu hồi vốn để tái sản xuất.
- Nghiên cứu công nghệ mới, phục vụ cho quá trình thi công.
- Nâng cao hơn nữa hoạt động Marketing trong thời gian tới, tham gia đấu thầu các công trình, các dự án trọng điểm, đặc biệt là các dự án về Thủy điện.

## 6.3. Mục tiêu phát triển trong năm 2015

Năm 2015, theo xác định của Công ty là một năm mang tính chất bản lề, quan trọng để Công ty thực hiện theo chiến lược phát triển trung hạn. Để thực hiện được điều đó, Công ty tiếp tục tuyển dụng, đào tạo nâng cao trình độ kỹ năng, tay nghề của nguồn nhân lực cũng như đầu tư dây chuyền, thiết bị và công nghệ thi công trong lĩnh vực thi công xây lắp hạ tầng kỹ thuật và giao thông:

- Khẳng định hơn nữa thương hiệu Công ty trong lĩnh vực thi công cơ giới các công trình nhiệt điện, thủy lợi và thủy điện và các công trình khác bằng việc thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả và an toàn các công trình: cửa sông Ninh Cơ, quốc lộ 1 qua Phú Yên, cơ sở Khai thác mỏ Núi Pháo, công trình thủy điện Bắc Mê, đường giao thông bên Lào .
- Đầu tư xe máy, thiết bị, công nghệ như thiết bị thi công trên sông, biển phục vụ thi công công trình cải tạo cửa sông Ninh Cơ; đầu tư dây chuyền, thiết bị thi công móng mặt đường, trạm trộn asphalt và các công nghệ thi công hiện đại để phục vụ thi công Dự án cải tạo nâng cấp mở rộng Quốc Lộ 1, chuẩn bị sẵn sàng cho thi công dự án Đường Hồ Chí Minh Giai đoạn II. Bên cạnh đó cũng tăng cường đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao để phục vụ thi công các công trình này. Bằng việc thực hiện thi công tốt các công trình này, Công ty sẽ bước đầu khẳng định được thương hiệu, vị thế trong lĩnh vực thi công công trình Hạ tầng kỹ thuật và giao thông.
- Tiếp tục cải tiến quy trình quản lý, sản xuất và mở rộng thị trường cho lĩnh vực sản xuất, gia công cơ khí để đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.



- Tiếp thị, mở rộng thị trường cho việc kinh doanh dịch vụ: cung cấp sắm lớp và xi măng cho các Công ty, đơn vị thuộc Tổng Công ty Sông Đà đồng thời mở rộng ra cung cấp các sản phẩm bê tông dự ứng lực, bê tông đúc sẵn cho các dự án khu vực Miền Bắc.
- Tăng cường quản lý, ứng dụng tiến bộ trong lĩnh vực công nghệ thông tin vào quản lý để nhằm nâng cao hiệu quả cũng như giảm chi phí trong việc quản lý xe máy, thiết bị thi công của công ty qua đó nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Việc thực hiện thành công kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh năm 2015 sẽ là tiền đề, cơ sở quan trọng để thực hiện định hướng, chiến lược phát triển của Công ty, tạo đà cho sự phát triển lâu dài và bền vững, tạo nên và khẳng định một thương hiệu Công ty lớn mạnh.

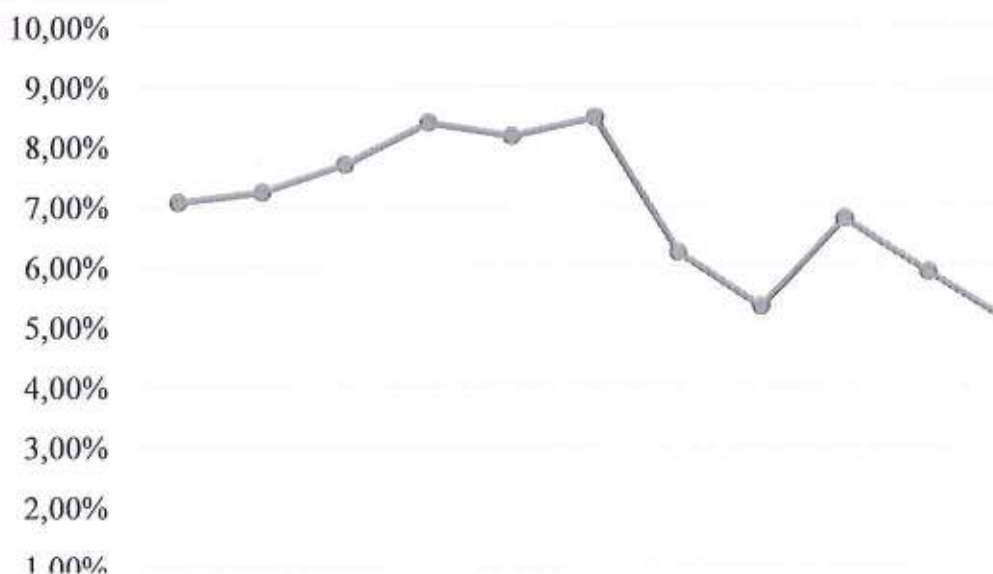
## 7. Các rủi ro

### 7.1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế sẽ tác động đến mọi lĩnh vực, ngành nghề và đối tượng trong nền kinh tế, trong đó có Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9. Các chỉ số kinh tế vĩ mô chính thường được sử dụng để đánh giá sự phát triển của nền kinh tế một quốc gia bao gồm: tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái....

#### ❖ Rủi ro tăng trưởng

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực trong xã hội. Tăng trưởng kinh tế sẽ làm tăng nhu cầu chi tiêu trong xã hội, thúc đẩy gia tăng sản lượng công nghiệp, tăng đầu tư của cá nhân và pháp nhân trong nền kinh tế.



Tỷ lệ tăng trưởng GDP qua các năm 2002 – 2014

Các điều kiện kinh tế vĩ mô của Việt Nam năm 2014 đã khả quan hơn so với 2013. Theo số liệu thống kê của Tổng cục Thống kê. GDP năm 2014 đạt 5,98%, cao hơn mục tiêu là 5,8% của Quốc hội đưa ra, cho thấy dấu hiệu tích cực của nền kinh tế.

Tốc độ tăng trưởng ngành Xây dựng chịu tác động của tốc độ tăng trưởng GDP và trong dài hạn tốc độ tăng trưởng ngành Xây dựng tương quan thuận với tốc độ tăng trưởng GDP trong toàn nền kinh tế. Trong giai đoạn nền kinh tế đi vào suy thoái tốc độ tăng trưởng ngành Xây dựng sẽ lớn và ngược lại. Nguyên nhân sự tương quan bắt nguồn từ việc trong giai đoạn suy thoái Chính phủ sẽ tăng chi tiêu bằng việc thực hiện chính sách tài khoá. Về cơ bản các gói kích cầu từ chính sách tài khoá đều thúc đẩy tăng đầu tư xây dựng cơ bản. Chi đầu tư xây dựng cơ bản liên tục tăng lên. Năm 2002, chi xây dựng cơ bản là 40.740 tỷ đồng đến năm 2013, chi cho xây dựng cơ bản là 196.348 tỷ đồng. Điều này phản ánh bản chất nền kinh tế Việt Nam vẫn thuộc nhóm nền kinh tế đang phát triển, chi tiêu đầu tư xây dựng cơ bản là một trong những động lực thúc đẩy tăng trưởng dài hạn nền kinh tế.

Triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2015 được dự báo tốt do tiêu dùng phục hồi nhờ lạm phát thấp trong năm 2014 sẽ giúp cải thiện sức mua, đầu tư tư nhân cải thiện do môi trường kinh tế vĩ mô cùng với những cải cách thể chế sẽ tạo dựng niềm tin của doanh nghiệp, khả năng thu hút đầu tư nước ngoài cao hơn với triển vọng TPP được kí kết trong năm 2015. Do đó, Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia dự báo tốc độ tăng trưởng quý I/2015 sẽ là 5,4%, cao hơn cùng kì 2014. Xu hướng này sẽ tiếp tục trong các quý tiếp theo và mục tiêu tăng trưởng 6,2% cả năm 2015.

Việc điều hành nền kinh tế một cách ổn định và hiệu quả của Chính phủ sẽ giúp giảm thiểu các rủi ro kinh tế cho các doanh nghiệp nói chung và cho Công ty nói riêng.

#### ❖ **Lạm phát**

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với biến động của lạm phát.

Trong giai đoạn 2002 – 2014, tỷ lệ lạm phát qua các năm luôn không ổn định. Diễn hình năm 2008 lạm phát tăng mức cao nhất trong giai đoạn 2002 - 2012 lên đến 18,9% gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của nền kinh tế, giá cả leo thang, các doanh nghiệp huy động vốn với lãi suất cao, chi phí tài chính tăng dẫn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh suy giảm. Với các chính sách điều hành sát sao của Chính phủ theo định hướng thắt chặt chính sách tiền tệ - tài khoá đã kiểm soát được lạm phát, đưa mức lạm phát về mức



9,21% trong năm 2012, 6,60% trong năm 2013 đặc biệt lạm phát giảm chỉ còn 1,84% năm 2014. Mức lạm phát thấp nhất trong vòng hơn 10 năm trở lại đây.



*Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam qua các năm 2002 – 2014*

Hoạt động của các doanh nghiệp sản xuất, thi công như Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 luôn chịu tác động trực tiếp từ tỷ lệ lạm phát. Sự biến động của lạm phát trong thời gian qua ảnh hưởng trực tiếp tới giá cả đầu vào, cũng như nhu cầu tiêu thụ sản phẩm đầu ra của Công ty. Để hạn chế rủi ro về lạm phát, Công ty luôn chủ động trong việc ký các hợp đồng cung cấp nguyên nhiên vật liệu đầu vào với các nhà cung cấp truyền thống và có kế hoạch chủ động điều chỉnh giá bán cho khách hàng dựa trên những dự báo về tình hình lạm phát.

#### ❖ **Lãi suất**

Hiện nay, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục điều hành chính sách lãi suất theo hướng giảm dần, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, tiền tệ và đặc biệt là lạm phát để giảm mặt bằng lãi suất cho vay, góp phần tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp nói riêng. Từ đầu năm 2012 đến nay, mặt bằng lãi suất huy động đã giảm mạnh, từ đó các doanh nghiệp trong nước có thể tiếp cận được vốn vay với chi phí lãi vay rẻ hơn. Từ mức lãi suất trên 20% những năm 2010 – 2011, lãi suất cho vay thời điểm cuối năm 2014 đã giảm mạnh xuống phổ biến ở mức 9 – 10%/ năm.



Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 có sử dụng vốn vay ngân hàng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Biến động lãi suất theo xu hướng giảm trong những năm gần đây có tác dụng tích cực, góp phần làm giảm chi phí lãi vay ngân hàng và tăng lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

❖ **Tỷ giá hối đoái**

Là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp.

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ. Do vậy các biến động tỷ giá hối đoái sẽ làm thay đổi chi phí sản xuất (tính ra đồng Việt Nam) của Công ty.

**7.2. Rủi ro pháp luật**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự chi phối bởi hệ thống pháp luật và chính sách của Nhà nước, bao gồm: Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật về chứng khoán, các chính sách thuế, các cam kết hội nhập, các luật về đất đai, xây dựng, môi trường,... Đồng thời, Công ty cũng chịu ảnh hưởng lớn từ các chính sách Nhà nước như định hướng phát triển ngành Xây dựng, những ưu đãi, khuyến khích hay hạn chế, các chính sách về thuế và quản lý môi trường. Bất kỳ một sự thay đổi nào trong các chính sách trên đều có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, gây ra biến động trong lợi nhuận.

Tuy nhiên, hiện nay hệ thống Pháp luật Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về chính sách luôn có thể xảy ra, sự thay đổi có thể mang đến những thuận lợi nhưng cũng có thể tạo ra những bất lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Do đó, để hạn chế rủi ro này, Công ty phải thường xuyên theo dõi, cập nhật kịp thời những thay đổi trong môi trường pháp luật để định hoạt động kinh doanh cho phù hợp.

**7.3. Rủi ro đặc thù**

❖ **Rủi ro biến động giá nhiên liệu đầu vào**

Công nghệ thi công của Công ty chủ yếu dựa vào hệ thống máy móc thiết bị cơ giới hạng nặng. Để vận hành và sử dụng các thiết bị này, nhiên liệu đầu vào là yếu tố không thể thiếu. Hiện nay, nguồn nhiên liệu sử dụng trong nền kinh tế phần lớn phụ thuộc vào nhập khẩu. Trong thời gian qua, giá cả các loại nhiên liệu nhập khẩu biến động thất thường, chủ yếu là do những bất ổn về chính trị tại một số khu vực trên thế giới, hoặc do sự thay đổi trong chính sách khai thác, dự trữ nhiên liệu của một số quốc gia có nền công nghiệp dầu mỏ hoặc nền kinh tế phát triển. Để hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của giá cả vật tư, nhiên liệu đầu vào đến kết quả kinh doanh, Công ty đã thực hiện ký kết các hợp đồng xây lắp có điều chỉnh giá trong những trường hợp giá cả các loại vật tư, nhiên liệu đầu vào biến động. Mặc dù vậy, có thể nói đây vẫn là rủi ro lớn đối với hoạt động kinh doanh của Công ty.





❖ **Rủi ro khoản phải thu khó đòi**

Do đặc điểm của ngành xây dựng, các công trình thi công thường kéo dài qua nhiều năm, thời gian quyết toán, hoàn thiện hồ sơ thi công giữa các bên và thời gian thanh toán các công trình, hạng mục công trình kéo dài. Đặc điểm này tiềm ẩn rủi ro tài chính và khả năng trả nợ của Công ty khi có khách hàng bị phá sản, mất khả năng thanh toán, hoặc khi các công trình thi công bị thiệt hại do các nguyên nhân khách quan... Để giảm thiểu rủi ro này, công ty sẽ đánh giá kỹ các công trình thực hiện và năng lực tài chính của chủ đầu tư, yêu cầu chủ đầu tư ứng trước theo từng giai đoạn công trình.

❖ **Rủi ro vận hành**

Để đáp ứng yêu cầu của khách hàng, chủ đầu tư về tiến độ thi công các công trình, hạng mục công trình, nhiều khi Công ty phải tiến hành thi công xây dựng trong những điều kiện thời tiết xấu, địa hình phức tạp, có thể xảy ra tai nạn lao động, hỏng hóc và ngưng trệ hoạt động máy móc thiết bị, gián đoạn quá trình thi công, ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

**7.4. Rủi ro khác**

Các rủi ro nằm ngoài khả năng dự báo và vượt quá khả năng phòng chống của con người như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh,... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra. Công ty cũng đã xem xét và xây dựng một số kịch bản phòng ngừa rủi ro bất khả kháng nhằm giảm thiểu tối đa rủi ro cho Công ty và đảm bảo tính hoạt động liên tục.

## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

Năm 2014 là một năm có nhiều khó khăn cho ngành xây lắp, nhưng ngay từ khi xây dựng kế hoạch Công ty đã phân tích và định hướng mục tiêu phù hợp với tình hình kinh tế xã hội, dùng và giãn các dự án đầu tư, tập trung cho công tác xây lắp, tìm kiếm và bám các công trình dự án mới có kế hoạch nguồn vốn cụ thể; Phân công cụ thể, quyết liệt bám sát chỉ đạo và thực hiện triển khai theo kế hoạch từng tháng, quý... Do vậy kết quả năm 2014 các chỉ tiêu giá trị sản lượng và doanh số đều hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận năm 2014 là 8,14 tỷ đồng đạt 103% so với KH năm đề ra.

*Hoạt động thi công xây lắp:*

Công ty đã tham gia thực hiện thi công nhiều phần việc trên những công trình trọng điểm của đất nước như: Thi công cải tạo đường sông Ninh Cơ – Nam Định, Thi công nâng cấp mạng lưới giao thông Bắc Lào tại tỉnh Huaphan – Lào, Thi công một phần hạng mục Công trình dự án khai thác và chế biến khoáng sản Núi Pháo – Thái Nguyên, Thi công gói





thầu San lấp mặt bằng và xây dựng hàng rào khu vực Dự án Sân phân phối 500KV và 220KV Trung tâm điện lực Long Phú, Thi công đào, đắp đất đá các hạng mục chính thuộc gói thầu XD01, XD02, XD03 – Dự án thủy điện Bắc Mê, Thi công xây lắp đoạn Km 1283+250 – Km 1293+ 800 thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn từ Km 1265 + 00 đến Km 1353 +300 tỉnh Phú Yên.

*Kết quả thực hiện so với kế hoạch năm:*

*Một số chỉ tiêu chủ yếu:*

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện năm 2014	Tỷ lệ % thực hiện năm 2014	
				so với kế hoạch năm 2014	so với thực hiện năm 2013
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	10 <sup>6</sup> đ	271.871	138	140
2	Doanh thu	10 <sup>6</sup> đ	218.967	128	119
3	Tiền về tài khoản	10 <sup>6</sup> đ	196.759	111	150
4	Lợi nhuận trước thuế	10 <sup>6</sup> đ	11.171	103	122
5	Thu nhập bình quân người /tháng	10 <sup>3</sup> đ	7.500	104	107

*Tình hình thực hiện so với kế hoạch:*

Toàn bộ các chỉ tiêu chủ yếu như giá trị sản xuất kinh doanh, tổng doanh thu, lợi nhuận, tiền về tài khoản và Thu nhập bình quân đầu người đều hoàn thành vượt mức kế hoạch năm và có tăng trưởng so với năm 2013.

Nguyên nhân chủ yếu là do Công ty đã quyết liệt bám sát chỉ đạo thực hiện tốt kế hoạch tiến độ thi công, sản xuất xây lắp từ các công trình; thường xuyên thực hiện các biện pháp giám sát thực hiện để tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh; bám sát thu vốn theo tiến độ đã được chủ đầu tư ký kết. Chính vì vậy, mặc dù trong năm 2014 gặp nhiều khó khăn nhưng lợi nhuận trước thuế vẫn vượt kế hoạch năm 2014 và có tăng trưởng đáng kể so với năm 2013.

## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1 Hội đồng quản trị

- Ông Nguyễn Công Hùng

- Chủ tịch HĐQT

- Ông Nguyễn Đăng Lanh

- Thành viên HĐQT

Miễn nhiệm ngày 29/01/2015



- Ông Nguyễn Văn Đại - Thành viên HĐQT Miễn nhiệm ngày 29/01/2015
- Ông Nguyễn Chính Đại - Thành viên HĐQT
- Ông Trần Nhân Nghĩa - Thành viên HĐQT
- Ông Hoàng Công Tuấn - Thành viên HĐQT Bổ nhiệm ngày 29/01/2015
- Ông Lương Thanh Tùng - Thành viên HĐQT Bổ nhiệm ngày 29/01/2015

❖ **Sơ yếu lý lịch của Hội đồng quản trị**

↓ **Ông Nguyễn Công Hùng Chủ tịch HĐQT**

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 21/8/1978.
- Nơi sinh: Hải Lâm, Hải Lăng, Quảng Trị.
- Số CMTND: 017389016 ngày cấp: 19/5/2012 tại CA Hà Nội.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Hải Lâm, Hải Lăng, Quảng Trị.
- Địa chỉ thường trú: P1012, CT3B Khu đô thị Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  - + 2004 ÷ 2005: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty cổ phần Sông Đà 909.
  - + 2005 ÷ 2009: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 909 kiêm Giám đốc Xí nghiệp 1.
  - + 2009 ÷ 5/2010: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí 1.
  - + 05/2010 ÷ 17/04/2014: Giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
  - + 18/04/2014 đến 15/01/2015: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
  - + 16/01/2015 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 137.100 cổ phần.





Trong đó:

- + Sở hữu cá nhân: 137.100 cổ phần.
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

✚ **Ông Nguyễn Đăng Lanh**                      **Thành viên HĐQT**

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 22/08/1954.
- Nơi sinh: Đông Anh, TP. Hà Nội.
- Số CMTND: 012899392 cấp ngày 4/8/2006 tại Hà Nội.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội.
- Địa chỉ thường trú: Số 22, ngách 102/27 Khuất Duy Tiến, Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy xây dựng.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  - + 09/1976 ÷ 1988: Công ty Thi công cơ giới thuộc Tổng Công ty Sông Đà;
  - + 1989 ÷ 1995: Giám đốc Xí nghiệp Cơ giới - Công ty Thi công cơ giới;
  - + 1995 ÷ 09/2001: Phó Giám đốc Công ty Sông Đà 9;
  - + 10/2001 ÷ 2005: Giám đốc Công ty Sông Đà 9;
  - + 01/2006 ÷ 04/2012: Bí thư Đảng ủy - Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty cổ phần Sông Đà 9;
  - + 05/2012 ÷ 04/2014: Bí Thư Đảng ủy Công ty cổ phần Sông Đà 9; Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
- 05/2014 đến 29/01/2015: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 41.200 cổ phần.

Trong đó:



- + Sở hữu: 41.200 cổ phần.
- + Đại diện sở hữu: Không
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.
- ↓ **Ông Nguyễn Văn Đại** **Ủy viên HĐQT**
- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 02/1961.
- Nơi sinh: Hà Nam.
- Số CMTND: 013073988 ngày cấp: 09/5/2008 nơi cấp: CA TP Hà Nội.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Nhân Khang - Lý Nhân - Hà Nam.
- Địa chỉ thường trú: Phòng 406 - H1-3 Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội.
- Trình độ văn hoá: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế lao động.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  - + 1982 ÷ 1989: Cán bộ định mức tiền lương công ty vận tải 500 xe Sông Đà - Hòa Bình;
  - + 1989 ÷ 1990: Hợp tác lao động tại cộng hòa Irắc (Chức danh: Đốc công);
  - + 02/1991 ÷ 05/2002: Trưởng ban TCHC Chi nhánh Công ty Xây lắp thi công cơ giới Sông Đà 901 - Yaly - Gia Lai;
  - + 06/2002 ÷ 12/2002: Phó Chánh văn phòng - Ban điều hành dự án thủy điện Tuyên Quang;
  - + 01/2003 ÷ 01/2013: Trưởng phòng TCHC - Công ty Cổ phần Sông Đà 9;
  - + 02/2013 đến nay: Trưởng ban Kiểm soát nội bộ Công ty cổ phần Sông Đà 9.
- 05/2014 đến 29/01/2015: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Không
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Trưởng Ban kiểm soát CTCP Sông Đà 9
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Trong đó:





- + Sở hữu: 0 cổ phần.
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.
- ↓ **Ông Trần Nhân Nghĩa** Ủy viên HĐQT
- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 02/02/1982.
- Nơi sinh: Nam Định.
- Số CMTND: 162255654 cấp ngày 05/9/2010 tại Nam Định.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Hải Toàn, Hải Hậu, Nam Định.
- Địa chỉ thường trú: Hải Toàn, Hải Hậu, Nam Định.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  - + 2005 ÷ 2008: Phó ban Kinh tế Kế hoạch Xí nghiệp 1 - Công ty cổ phần Sông Đà 909;
  - + 2009 ÷ 5/2010: Trưởng ban Kinh tế Kế hoạch Xí nghiệp 1 - Công ty cổ phần Sông Đà 909;
  - + 6/2010 ÷ 17/04/2014: TP. Kinh tế kế hoạch Công ty CP XD&ĐT Sông Đà 9;
  - + 18/04/2014 ÷ 09/05/2014: Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch Công ty CP XD&ĐT Sông Đà 9.
  - + 10/05/2014 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Đội trưởng Đội xây lắp số 1 Công ty CP XD&ĐT Sông Đà 9.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị, Đội trưởng Đội xây lắp số 1 Công ty CP XD&ĐT Sông Đà 9.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 5.000 cổ phần.
- Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần.

- + Đại diện sở hữu: Không.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.
- ↓ **Ông Nguyễn Chính Đại**                      Ủy viên HĐQT
- Giới tính:                      Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 21/04/1978.
- Nơi sinh:                      Phú Xuyên, TP. Hà Nội.
- Số CMTND:                      013025232 ngày cấp: 28/11/2008 tại CA TP Hà Nội.
- Quốc tịch:                      Việt Nam.
- Dân tộc:                      Kinh.
- Quê quán:                      Phú Xuyên, TP. Hà Nội.
- Địa chỉ thường trú: 11, tổ 31, Thanh Lương, Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng dân dụng và Công nghiệp.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  - + 2001 ÷ 2003: Kỹ sư giám sát Công ty Liên doanh xây dựng quốc tế VIC;
  - + 2003 ÷ 2004: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Hà Nội;
  - + 2004 ÷ 2007: Phó giám đốc Xí nghiệp 1- Công ty cổ phần Sông đà 909;
  - + 2007 ÷ 2009: Giám đốc BQL Dự án Nhà máy thủy điện Phình Hồ - Công ty cổ phần Sông đà 909;
  - + 2010 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc - Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Đà 9.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty : Thành viên Hội đồng quản trị, Phó giám đốc Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Đà 9.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 20.000 cổ phần.  
Trong đó:
  - + Sở hữu: 20.000 cổ phần.
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không.



- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.
- ✚ **Ông Hoàng Công Tuấn** **Ủy viên HĐQT**
  - Giới tính: Nam.
  - Ngày tháng năm sinh: 17/03/1977.
  - Nơi sinh: Nghệ An.
  - Số CMND: 017533043 cấp ngày 23/01/2014 tại CA Hà Nội.
  - Quốc tịch: Việt Nam.
  - Dân tộc: Kinh.
  - Quê quán: Diễn Thành, Diễn Châu, Nghệ An.
  - Địa chỉ thường trú: KĐT Văn Quán, Yên Phúc, Phúc La, Hà Đông, Hà Nội.
  - Trình độ học vấn: Kỹ sư xây dựng.
  - Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
    - + 2004 ÷ 2009: Phó Giám đốc Xí nghiệp I - Công ty cổ phần Sông Đà 909;
    - + 2010 ÷ 15/01/2015: Phó Giám đốc - Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
    - + 16/01/2015 ÷ 29/01/2015: Giám đốc - Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
    - + 29/01/2015 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc - Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
    - + Chức vụ hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc - Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
  - Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
  - Số cổ phần nắm giữ: 10.000 cổ phần.  
Trong đó:
    - + Sở hữu: 10.000 cổ phần.
    - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
  - Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không.
  - Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
  - Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
  - Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.



✚ Ông Lương Thanh Tùng

Ủy viên HĐQT

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 22/07/1978.
- Nơi sinh: Hòa Bình
- Số CMND: 012863658
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: P. Phương Lâm, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
- Địa chỉ thường trú: Số 27, ngõ 154, phố Phương Liệt, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Trình độ học vấn: Kỹ sư kinh tế xây dựng + Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  - + Từ tháng 8/2001 đến tháng 4/2002: Chuyên viên phòng dự án và Tư vấn đấu thầu - Công ty tư vấn xây dựng Sông Đà
  - + Từ tháng 4/2002 đến tháng 10/2004 : Phó phòng dự án và Tư vấn đấu thầu - Công ty tư vấn xây dựng Sông Đà.
  - + Từ tháng 10/2004 đến tháng 10/2009 : Trưởng phòng dự án và Tư vấn đấu thầu - Công ty tư vấn xây dựng Sông Đà.
  - + Từ tháng 10/2009 đến tháng 7/2010 : Phó tổng giám đốc Công ty tư vấn xây dựng Sông Đà.
  - + Từ tháng 4/2010 đến tháng 7/2010 : Kiểm nhiệm Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần tư vấn Sông Đà.
  - + Từ tháng 8/2010 đến 28/01/2015: Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần xi măng Hạ Long
  - + Từ tháng 29/01/2010 đến nay: Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần xi măng Hạ Long kiêm Thành viên HĐQT Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần xi măng Hạ Long
- Số cổ phần nắm giữ: 245.800 cổ phần.  
Trong đó:
  - + Sở hữu: 245.800 cổ phần.
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.





- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

## 2.2 Ban kiểm soát

- Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng - Trưởng BKS Miễn nhiệm ngày 29/01/2015
- Bà Trần Thị Len - Trưởng BKS Bổ nhiệm ngày 29/01/2015
- Ông Phan Thanh Hải - Thành viên BKS
- Ông Quán Thanh Sơn - Thành viên BKS

### ❖ Sơ yếu lý lịch của Ban kiểm soát

#### ⚡ Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng Trưởng Ban kiểm soát

- Giới tính: Nữ.
- Năm sinh: 20/10/1969.
- Nơi sinh: Hà Nội.
- Số CMTND: 017202384 ngày cấp: 01/09/2010 tại CA TP Hà Nội.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Gia Lâm, TP.Hà Nội.
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 2C8B khu C trường Học viện An Ninh, Văn Quán, Hà Đông, TP.Hà Nội.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  - + 09/1992 ÷ 12/1995: Nhân viên kế toán Công ty cung ứng Vật Tư;
  - + 01/1996 ÷ 11/1996: Phó kế toán trưởng CN Vật tư Quy Nhơn thuộc Công ty cung ứng Vật Tư;
  - + 12/1996 ÷ 06/1998: Phó kế toán trưởng Công ty Sông Đà 10;
  - + 01/1998 ÷ 11/1999: Kế toán trưởng Công ty may Sông Đà 20;
  - + 12/1999 ÷ 05/2000: Phó kế toán trưởng Công ty Sông Đà 9 kiêm kế toán trưởng Chi nhánh Sông Đà 901;
  - + 06/2000 ÷ 04/2007: Phó kế toán trưởng Công ty Sông Đà 9;
  - + 05/2007 ÷ 04/2008: Phó kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 207;



- + 05/2009 đến nay: Phó kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 9.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Không
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Phó phòng kế toán CTCP Sông Đà 9
- Số cổ phần nắm giữ: 10.000 cổ phần.

Trong đó:

- + Sở hữu: 10.000 cổ phần.
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

↳ **Bà Trần Thị Len**

**Trưởng Ban kiểm soát**

- Giới tính: Nữ.
- Năm sinh: 29/08/1984.
- Nơi sinh: Nam Định
- Số CMTND: 036184000332 ngày cấp: 17/11/2014 tại CA TP Hà Nội.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Nam Định
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 2C8B khu C trường Học viện An Ninh, Văn Quán, Hà Đông, TP.Hà Nội.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, chuyên ngành Tài chính Ngân hàng.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  - + 6/2006 đến 03/2008: Kế toán tổng hợp Cty TNHH Đại Lâm
  - + 03/2008 đến 02/2014: Kế toán tổng hợp Cty CP Sông Đà 5
  - + 02/2014 đến tháng 09/2014: Kế toán tổng hợp Cty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu Điện
  - + 01/1998 ÷ 11/1999: Kế toán trưởng Công ty may Sông Đà 20;
  - + Từ 06/2014 đến nay: Thành viên BKS Cty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu Điện Miền Trung;





- + Từ 29/01/2015 đến nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Đà 9.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Đà 9.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Phó Kế toán trưởng Cty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu Điện
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

Trong đó:

- + Sở hữu: 0 cổ phần.
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

↓ **Ông Quân Thanh Sơn** **Thành viên Ban kiểm soát**

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 11/10/1984.
- Nơi sinh: Hợp Đồng, Chương Mỹ, Hà Nội.
- Số CMTND: 111769145 ngày cấp 19/06/2013 nơi cấp: CA Hà Nội.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Hợp Đồng, Chương Mỹ, Hà Nội.
- Địa chỉ thường trú: Hợp Đồng, Chương Mỹ, Hà Nội.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thùy lợi.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  - + 2008 ÷ 4/2010: CV ban Kinh tế Kế hoạch Xí nghiệp 1 - Công ty CP Sông Đà 909.
  - + 5/2010 ÷ 10/2010: CV phòng Kinh tế Kế hoạch Công ty CP XD&ĐT Sông Đà 9.
  - + 11/2010 ÷ 12/2013: Phó phòng Kinh tế kế hoạch kiêm Đội phó Đội Xây lắp 3 - Công ty CP XD&ĐT Sông Đà 9.
  - + 01/01/2014 ÷ 17/04/2014: Phó phòng Kinh tế kế hoạch - Công ty cổ phần XD&ĐT Sông Đà 9.



- + 18/04/2014 + 14/05/2014: Thành viên Ban kiểm soát Công ty; Phó phòng Kinh tế kế hoạch - Công ty CP XD&ĐT Sông Đà 9.
- + 15/05/2014 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty; Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch - Công ty CP XD&ĐT Sông Đà 9.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát Công ty; Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch - Công ty CP XD&ĐT Sông Đà 9.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 5.000 cổ phần.

Trong đó:

- + Sở hữu: 5.000 cổ phần.
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

↓ **Ông Phan Thanh Hải** **Thành viên Ban kiểm soát**

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 07/01/1984.
- Nơi sinh: Quý Châu, Nghệ An.
- Số CMTND: 040084000004
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Hải Lăng, Quảng Trị.
- Địa chỉ thường trú: Ngọc Trục, Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  - + 05/2007 ÷ 8/2010: Kỹ sư Công ty TNHH Hệ Thống thông tin FPT;
  - + 9/2010 ÷ 5/2011: Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán - Công ty CP XD&ĐT Sông Đà 9;
  - + 06/2011 ÷ 06/2012: Phó phòng phòng Tổ chức hành chính - Công ty CP XD&ĐT Sông Đà 9;



- + 07/2012 ÷ 17/04/2014: Đội phó Đội Xây lắp số 1 - Công ty cổ phần XD&ĐT Sông Đà 9;
- + 18/04/2014 ÷ 18/05/2014: Thành viên Ban kiểm soát Công ty; Đội phó Đội Xây lắp số 1 - Công ty CP XD&ĐT Sông Đà 9.
- + 19/05/2014 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty; Trợ lý giám đốc - Công ty CP XD&ĐT Sông Đà 9.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát Công ty; Trợ lý giám đốc - Công ty CP XD&ĐT Sông Đà 9.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.  
Trong đó:
  - + Sở hữu: 0 cổ phần.
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

### 2.3 Ban giám đốc

- |                         |                |                            |
|-------------------------|----------------|----------------------------|
| - Ông Nguyễn Công Hùng  | - Giám đốc     | Miễn nhiệm ngày 16/01/2015 |
| - Ông Hoàng Công Tuấn   | - Giám đốc     | Bổ nhiệm ngày 16/01/2015   |
| - Ông Nguyễn Chính Đại  | - Phó giám đốc |                            |
| - Ông Nguyễn Quang Hưng | - Phó giám đốc |                            |
| - Ông Lê Công Viên      | - Phó giám đốc |                            |

#### ❖ Sơ yếu lý lịch của Ban Giám đốc

- |                        |  |
|------------------------|--|
| ↓ Ông Nguyễn Công Hùng | Giám đốc – Miễn nhiệm ngày 16/01/2015 (như trên) |
| ↓ Hoàng Công Tuấn      | Giám đốc – Bổ nhiệm ngày 16/01/2015 (như trên)   |
| ↓ Ông Nguyễn Chính Đại | Phó Giám đốc (như trên)                          |



- ↓ **Ông Nguyễn Quang Hưng**                      **Phó Giám đốc**
- Giới tính: Nam.
  - Ngày tháng năm sinh: 13/11/1980.
  - Nơi sinh: Cao Dương, Thanh Oai, Hà Nội.
  - Số CMTND: 111350501 ngày cấp: 28/06/2004 nơi cấp CA tỉnh Hà Tây.
  - Quốc tịch: Việt Nam.
  - Dân tộc: Kinh.
  - Quê quán: Cao Dương, Thanh Oai, Hà Nội.
  - Địa chỉ thường trú: Phòng 709, Tầng 7, nhà CT1 B1 Khu đô thị Xa La, Hà Đông, Hà Nội.
  - Trình độ văn hóa: 12/12.
  - Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kỹ thuật - Kỹ sư xây dựng.
  - Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
    - + 03/2003÷12/2003: Chuyên viên phòng Kỹ thuật, Ban điều hành DATD Tuyên Quang;
    - + 2004 ÷ 2009: Trưởng phòng kinh tế kế hoạch - Công ty CP Sông Đà 909;
    - + 2010 ÷ 17/04/2014: Thành viên Ban kiểm soát Công ty, Phó giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9;
    - + Từ 18/04/2014 đến nay: Phó giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
  - Chức vụ hiện tại tại công ty: Phó giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
  - Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
  - Số cổ phần nắm giữ: 10.000 cổ phần.  
Trong đó:
    - + Sở hữu: 10.000 cổ phần.
    - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
  - Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không.
  - Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
  - Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
  - Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.





↓ Ông Lê Công Viên

Phó Giám đốc Công ty

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 05/01/1984.
- Nơi sinh: Hưng Yên.
- Số CMND: 145106678 cấp ngày 04/10/2000 tại CA Hưng Yên.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Khoái Châu, Hưng Yên.
- Địa chỉ thường trú: Khoái Châu, Hưng Yên.
- Trình độ học vấn: Kỹ sư xây dựng.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  - + 2007 ÷ 2009: Phụ trách Kinh tế Kế hoạch - Công ty cổ phần Sông Đà 909;
  - + 2009 ÷ 2010: Phụ trách Kinh tế - Kế hoạch - Công ty CP Xây lắp dầu khí 1;
  - + 2010 ÷ 2011: Phụ trách Kinh tế - Đầu tư - Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9;
  - + 2011 ÷ 28/02/2014: Phụ trách kỹ thuật chất lượng - Thi công an toàn - Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9;
  - + 01/03/2014 ÷ đến nay: Phó Giám Đốc phụ trách kỹ thuật thi công - Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty : Phó giám đốc Công ty CP XD và Đầu tư Sông Đà 9.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.  
Trong đó:
  - + Sở hữu: 0 cổ phần.
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

## 2.4 Kế toán trưởng

### ❖ Sơ yếu lý lịch của Kế toán trưởng

#### ♣ Ông Trần Kim Sơn

#### Kế toán trưởng Công ty

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 23/10/1978.
- Nơi sinh: Hòa Bình.
- Số CMTND: 011939615 ngày cấp: 18/08/2011 nơi cấp: CA TP Hà Nội.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Huyện Hoài Nhơn, Bình Định.
- Địa chỉ thường trú: P101C-H4, Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, TP.Hà Nội.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  - + 2000 ÷ 2001: Nhân viên kế toán - Công ty B.O.T TĐ Cần Đơn, Bình Phước;
  - + 2002 ÷ 2003: Nhân viên kế toán - Xí nghiệp Sông Đà 906, Công ty CP Sông Đà 9;
  - + 2004 ÷ 2007: Trưởng ban Kế toán Xí nghiệp 1 - Công ty CP Sông Đà 909;
  - + 2008 ÷ 2009: Kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 909;
  - + 2010 đến nay: Kế toán trưởng - Công ty CP XD&ĐT Sông Đà 9;
- Chức vụ hiện nay tại Công ty : Kế toán trưởng Công ty CP XD&ĐT Sông Đà 9.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 15.000 cổ phần.  
Trong đó:
  - + Sở hữu: 15.000 cổ phần.
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.





## 2.5 Cơ cấu nhân sự công ty và chế độ cho người lao động

STT	Loại hình lao động	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
	<b>Phân loại theo giới tính</b>		
1	Lao động Nam	271	85,49
2	Lao động Nữ	46	14,51
	<b>Tổng cộng</b>	<b>317</b>	<b>100,00</b>
	<b>Phân theo trình độ</b>		
1	Trên đại học	03	0,95
2	Đại học	93	29,34
3	Cao đẳng	12	3,79
4	Trung và sơ cấp	26	8,20
5	Công nhân kỹ thuật	150	47,32
6	Công nhân lao động	33	10,40
	<b>Tổng cộng</b>	<b>317</b>	<b>100,00</b>
	<b>Phân chia theo loại hình lao động</b>		
1	Cán bộ quản lý	34	10,73
2	Lao động trực tiếp	183	57,73
3	Lao động gián tiếp	100	31,54
	<b>Tổng cộng</b>	<b>317</b>	<b>100,00</b>

### ↓ Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: 8h/ngày, 5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1,5h. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì CBCNV có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

Ngày phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản. CBCNV được nghỉ lễ và tết 8 ngày theo quy định của Luật Lao động. Đối với CBCNV làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày/năm. Những người còn lại sẽ được nghỉ phép tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 06 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định còn được hưởng thêm lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.



Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các công cụ bảo hộ lao động, đồng thời Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động để đảm bảo năng suất lao động cao và an toàn cho CBCNV.

#### ↓ Chính sách tuyển dụng thu hút nhân tài

Dựa vào nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh, hàng năm, Công ty đề xây dựng kế hoạch tuyển dụng để thu hút người lao động có năng lực. Công ty đề ra những tiêu chuẩn tuyển dụng nhân sự đặc biệt cho từng vị trí, song tất cả các vị trí đều có những yêu cầu chung như: có trình độ chuyên môn cơ bản, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao, chủ động trong công việc, ...

Với những chính sách tuyển dụng có hiệu quả, trong những năm qua Công ty đã thu hút và xây dựng được một đội ngũ nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau. Các CBCNV trẻ trung và năng động của Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 luôn được trau dồi kỹ năng, kinh nghiệm từ những chính sách đào tạo của Công ty. Với chủ trương lấy con người làm gốc, Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cấp kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ. Công ty thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn, đào tạo ngắn ngày và dài ngày về các nghiệp vụ kinh doanh, đồng thời tổ chức những lớp tập huấn, đào tạo ngắn ngày về các nghiệp vụ kinh doanh, đồng thời tổ chức những lớp tập huấn phổ biến công nghệ cho cán bộ kỹ thuật.

#### ↓ Chính sách khen thưởng, kỷ luật

Người lao động làm việc có hiệu quả cao, chất lượng phục vụ tốt, Ban giám đốc căn cứ vào kết quả lao động, quy chế của Công ty để xét thưởng.

### 3. Tình hình tài chính

#### 3.1 Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng(+) giảm(-)
Tổng giá trị tài sản	198.304.884.301	274.380.682.356	38,36
Doanh thu thuần	183.871.062.825	218.966.824.436	19,09
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	9.021.445.937	13.705.930.214	51,93
Lợi nhuận khác	106.211.221	(2.534.613.187)	(2.486,39)
Lợi nhuận trước thuế	9.127.657.158	11.171.317.027	22,39
Lợi nhuận sau thuế	6.715.245.345	8.142.876.894	21,26
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	15%	



### 3.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2013	Năm 2014
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	1,2	1,07
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn		0,83	0,68
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	70,06	75,69
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu		234,01	311,36
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán /Hàng tồn kho bình quân	Vòng	3,15	2,97
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản		0,93	0,8
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		3,65	3,72
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	11,31	12,21
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		3,39	2,97
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh /Doanh thu thuần		4,91	6,62

#### Khả năng thanh toán

Các chỉ số đo lường khả năng thanh toán của Công ty năm 2014 giảm so với năm 2013. Khả năng thanh toán giảm do tốc độ tăng của nợ ngắn hạn lớn hơn tốc độ tăng của tài sản ngắn hạn. Bên cạnh đó, hàng tồn kho cũng tăng nhanh. Hàng tồn kho năm 2014 tăng gấp hơn 1,6 lần hàng tồn kho năm 2013.

#### Cơ cấu vốn

Năm 2013 và năm 2014, Công ty duy trì mức vay nợ khá cao. Nợ chiếm hơn 70% trong tổng nguồn vốn của Công ty. Do đặc thù của lĩnh vực thi công xây dựng nên tài chính Công ty phụ thuộc tương đối vào vay nợ và các khoản chiếm dụng của bên thứ ba.

#### Năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản năm 2014 giảm so với năm 2013, do hàng tồn kho tăng nhanh và tốc độ tăng của tổng tài sản lớn hơn so với tốc độ tăng của doanh thu.

#### Khả năng sinh lời

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời trong năm 2014 nhìn chung đều tăng so với năm 2013.



**4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

**4.1 Cổ phần**

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 5.000.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 5.000.000 cổ phần
- Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo pháp luật: 0 cổ phần

**4.2 Cơ cấu cổ đông**

TT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng	Cổ phiếu sở hữu	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ trên Vốn điều lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	345	5.000.000	50.000.000.000	100
	- Cá nhân	344	4.750.000	47.500.000.000	95
	- Tổ chức	1	250.000	2.500.000.000	5
2	Cổ đông ngoài nước	-	-	-	-
	- Cá nhân	-	-	-	-
	- Tổ chức	-	-	-	-
<b>Tổng cộng:</b>		<b>345</b>	<b>5.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>100</b>

4.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

4.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

4.5 Các chứng khoán khác: Không có





### III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

##### 1.1 Tổng quan về các chỉ tiêu chủ yếu năm 2014

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2014	% so với kế hoạch năm 2014	% so với kế hoạch năm 2013
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	10 <sup>6</sup> đ	271.871	195	140
2	Doanh thu	10 <sup>6</sup> đ	218.967	150	119
3	Tiền về tài khoản	10 <sup>6</sup> đ	196.759	136	150
4	Lợi nhuận trước thuế	10 <sup>6</sup> đ	11.171	112	122
5	Thu nhập bq quân người/tháng	10 <sup>3</sup> đ	7.500	104	107

Toàn bộ các chỉ tiêu chủ yếu như giá trị sản xuất kinh doanh, tổng doanh thu, lợi nhuận, tiền về tài khoản và Thu nhập bình quân đầu người đều hoàn thành vượt mức kế hoạch năm và có tăng trưởng so với năm 2013.

Nguyên nhân chủ yếu là do Công ty đã quyết liệt bám sát chỉ đạo thực hiện tốt kế hoạch tiến độ thi công, sản xuất xây lắp từ các công trình; thường xuyên thực hiện các biện pháp giám sát thực hiện để tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh; bám sát thu vốn theo tiến độ đã được chủ đầu tư ký kết. Chính vì vậy, mặc dù trong năm 2014 gặp nhiều khó khăn nhưng lợi nhuận trước thuế vẫn vượt kế hoạch năm 2014 và có tăng trưởng đáng kể so với năm 2013.

##### 1.2 Những tiến bộ công ty đã đạt được

Trong năm năm 2014 tình hình kinh tế cả nước vẫn tiếp tục khó khăn do khủng hoảng, các công trình xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách bị thu hẹp, việc vay vốn để sản xuất khó khăn. Giá cả nguyên nhiên, vật liệu liên tục tăng cao nhưng với sự quyết tâm và cố gắng của tập thể CBCNV Đơn vị đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kinh tế mà Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị công ty giao. Tuy nhiên trong tình hình kinh tế hiện nay, năm 2014 và những năm tới đòi hỏi đơn vị không ngừng đổi mới phương thức quản lý, điều hành, xây dựng những giải pháp cụ thể nhằm khắc phục những tồn tại, yếu kém nhằm hoàn thành kế hoạch các năm tiếp theo.

- Đảm bảo mục tiêu tiến độ các công trình: Tiến độ thi công các công trình: Thi công các công trình hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng công trình theo hợp đồng ký kết với Chủ đầu tư như Công trình Thủy điện Lai Châu; Gói thầu W-RB-08: Cầu tạm suối Quanh và đường dẫn – Thủy điện Trung Sơn; Đào móng đập tràn sự cố - Thủy điện Trung Sơn (với Công ty 47); Gói thầu A.1.m – Công trình kè Nhật Tân; Hạng mục lán trại và phụ trợ – Công trình Nhiệt điện Mông Dương; Đập OTC – Gói thầu TSF – STAGE 2 – Núi Pháo.
- Hợp tác ký kết các hợp đồng thi công xây lắp, mở rộng SXKD:
  - Tham gia đấu thầu và trúng thầu gói thầu CV-A2.2b – NDTDP: Công trình bảo vệ khu đồ đất nạo vét phía Nam (Đê bảo vệ Km 1+487 – Km 2+422) & Kè G1, G2, G3, G4 & Đê chắn sóng phía Nam (Km 0+000 đến Km 0+050) thuộc cụm công trình Cải tạo cửa sông Ninh Cơ (với giá trị 94 tỷ).
  - Tham gia nộp hồ sơ đề xuất và trúng chỉ định thầu gói thầu số 09: Thi công xây lắp đoạn Km 1283+250 – Km 1293+800 thuộc dự án: Đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc Lộ 1 đoạn từ Km 1265+000 đến Km 1353+300, tỉnh Phú Yên (với giá trị 64 tỷ).
  - Ký kết Hợp đồng thi công gói thầu Thi công xây dựng dự án nâng cấp mạng lưới giao thông Bắc Lào Lý trình: Km 98 -:- Km 121 đoạn Mường Són đi Lèng Bèng tại tỉnh Huaphan – Lào với Công ty TNHH thương mại 68 (với giá trị 5 triệu USD).
  - Ký kết Hợp đồng thi công gói thầu Đập OTC – Gói thầu TSF – STAGE 2 với Công ty cổ phần Licogi 13 (với giá trị 50 tỷ).
  - Ký Hợp đồng làm đại lý phân phối xi măng của Công ty xi măng Hạ Long năm 2013.
- Công tác tổ chức đào tạo:
  - Tiếp tục hoàn thiện, kiện toàn bộ máy điều hành, tổ chức lại các đội theo nhu cầu SXKD.
  - Thuê những Đơn vị có uy tín lập trình, chuyển giao các phần mềm quản lý giao việc, quản lý nhân sự, xe máy thiết bị ... nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp, chính xác, tiết kiệm chi phí quản lý.
  - Tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao mít tinh kỷ niệm các ngày lễ lớn;
  - Thực hiện đúng các chế độ chính sách của nhà nước, công ty đối với người lao động.
  - Đơn vị đặc biệt quan tâm đến công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, cử các cán bộ quản lý tham gia các khóa Mini – MBA giao tiếp nhằm nâng cao trình độ chất lượng của cán bộ.



• Công tác Kinh tế - Kỹ thuật:

- Lập biện pháp đảm bảo tiến độ, cân đối thiết bị, xe máy đảm bảo hoàn thành các mục tiêu tiến độ ;

- Xây dựng kế hoạch sản xuất và lập tiến độ các công trình dựa trên định hướng phát triển của Công ty được HĐQT Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 phê duyệt;

- Luôn đảm bảo công tác báo cáo kế hoạch hàng tháng, thường xuyên kiểm điểm tình hình thực hiện hàng tháng và lập kế hoạch tháng kế tiếp nhằm đảm bảo mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh ;

- Công tác lập và quản lý chi phí giá thành từng hạng mục công trình được đặc biệt chú trọng và được triển khai xuống từng đội xây lắp.

- Công tác thu vốn, thu hồi công nợ được đơn vị đặc biệt chú trọng, tập trung giải quyết dứt điểm những tồn tại về hồ sơ nghiệm thu thanh toán, đơn đốc và giải quyết kịp thời những vướng mắc về kinh tế, dự toán, tổng dự toán với Chủ đầu tư tại các công trình;

• Công tác quản lý vật tư cơ giới:

- Cân đối, điều động xe máy giữa các công trường đảm bảo khai thác tối đa năng lực hiện có;

- Tăng cường công tác bảo dưỡng, kiểm tu xe máy, thiết bị nắm vững tình trạng kỹ thuật của xe máy thiết bị, dự báo hư hỏng và có biện pháp phòng ngừa kịp thời tránh xe máy hư hỏng nặng. Nâng cao trách nhiệm của Cán bộ quản lý cơ giới, công nhân vận hành trong việc để xe máy hư hỏng do vận hành sai quy trình, quy phạm, bảo dưỡng và kiểm tu không đảm bảo kỹ thuật;

- Đảm bảo vật tư cho phục vụ hoạt động SXKD của toàn Công ty.

• Công tác Tài chính kế toán:

- Để thu xếp kịp thời nguồn vốn cho hoạt động SXKD. Trên cơ sở đó thực hiện các khoản vay tín dụng, bảo lãnh thu xếp kịp thời nguồn vốn phục vụ cho SXKD và đầu tư của công ty;

- Tuân thủ các chuẩn mực kế toán, hệ thống kế toán và các quy định khác về kế toán hiện hành của Nhà nước;

- Các báo cáo tháng, quý và quyết toán quý được quan tâm và duy trì thường xuyên đảm bảo phản ánh chính xác kết quả SXKD của Công ty;

- Kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí, sử dụng vốn hợp lý;

- Tập trung mọi nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ thu hồi vốn, thu hồi công nợ nhằm giảm áp lực vay vốn đối với Công ty đồng thời duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục.

• Công tác tiếp thị đấu thầu

- Đơn vị đã đẩy mạnh công tác tiếp thị, đấu thầu và đã đạt được nhiều thành công như: Trúng thầu gói thầu CV-A2.2b – NDTDP; Gói thầu số 09 - QL 1; Đập tràn sự cố - Thủy điện Trung Sơn; Gói thầu OTC – Núi Pháo ... Đồng thời Đơn vị vẫn đang tiếp tục bám sát và chuẩn bị mọi điều kiện để tham gia đấu thầu các gói thầu.

## 2. Tình hình tài chính

### 2.1 Tình hình tài sản

#### Tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 01/01/2014	11,221,128,927	30,460,702,649	26,995,475,267	327,732,372	69,005,039,215
Mua sắm	-	15,475,079,637	8,923,774,271	-	24,398,853,908
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(489,844,300)	-	(489,844,300)
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>11,221,128,927</b>	<b>45,935,782,286</b>	<b>35,429,405,238</b>	<b>327,732,372</b>	<b>92,914,048,823</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Tại ngày 01/01/2014	5,676,052,344	12,743,794,104	7,183,706,628	124,832,306	25,728,385,382
Trích khấu hao	280,528,224	3,347,072,961	3,060,031,426	61,284,516	6,748,917,127
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(451,455,428)	-	(451,455,428)
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>5,956,580,568</b>	<b>16,090,867,065</b>	<b>9,792,282,626</b>	<b>186,116,822</b>	<b>32,025,847,081</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2014	5,545,076,583	17,716,908,545	19,811,768,639	202,900,066	43,276,653,833
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>5,264,548,359</b>	<b>29,844,915,221</b>	<b>25,637,122,612</b>	<b>141,615,550</b>	<b>60,888,201,742</b>

#### Danh mục số lượng xe máy thiết bị hiện có:

TT	Tên xe máy	Ký mã hiệu	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Tải trọng/ dung tích
<b>I</b>	<b>Ô tô</b>					
1	Xe ô tô Hyundai tải ben	HD 270	05	Hàn Quốc	2010	15tấn/10m <sup>3</sup>
2	Xe ô tô Hyundai tải ben	HD 270	05	Hàn Quốc	2011	22tấn/15m <sup>3</sup>
3	Xe ô tô HOWO tải	HOWO 371	05	Trung	2014	24 tấn





TT	Tên xe máy	Ký mã hiệu	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Tải trọng/ dung tích
	ben			Quốc		
4	Xe ô tô HOWO tải ben	HOWO 371	05	Trung Quốc	2012	24 tấn
5	Xe Cừu Long		01	Việt Nam	2013	3,45 tấn
6	Xe Cừu Long		02	Việt Nam	2014	3,45 tấn
<b>II</b>	<b>Máy đào</b>					
1	Máy đào bánh xích KobelCo	SK 250 - 8	02	Nhật Bản	2010	1,2 m <sup>3</sup>
2	Máy đào bánh xích KobelCo	SK 330 - 8	02	Nhật Bản	2010	1,6 m <sup>3</sup>
3	Máy đào bánh xích KobelCo	SK 330 - 8	02	Nhật Bản	2014	1,6 m <sup>3</sup>
4	Máy xúc lật	ZL 30E	01	Trung Quốc	2012	1,7 m <sup>3</sup>
5	Máy xúc lốp	DOOSAN	01	Hàn Quốc	2013	0,8 m <sup>3</sup>
6	Máy đào bánh xích Komatsu	PC 210 - 6E	01	Nhật Bản	1999	0,8 m <sup>3</sup>
<b>III</b>	<b>Máy lu</b>					
1	Máy lu rung	XCMG XS142J	03	Trung Quốc	2011	14 tấn
2	Máy lu rung	SAKAI SV 620D	01	Indonesia	2014	12 tấn
<b>IV</b>	<b>Máy ủi</b>					
1	Máy ủi XCMG	DT 140B	01	Trung Quốc	2011	
2	Máy ủi shantui	SD16L	03	Trung Quốc	2011	
<b>V</b>	<b>Cần cẩu</b>					
1	Cần cẩu bánh xích	LS118 -	01	Nhật Bản	1985	50 tấn

TT	Tên xe máy	Ký mã hiệu	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Tải trọng/ dung tích
		RHII				
2	Cần cẩu tự hành	KC 3577	01	Nga	2001	15 tấn
<b>VI</b>	<b>Máy san</b>					
1	Máy san Mitsubishi	MG 150	01	Nhật Bản	1980	

## 2.2 Tình hình nợ phải trả

TT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014
<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>128.153.031.821</b>	<b>195.244.044.609</b>
1	Vay và nợ ngắn hạn	56.639.879.150	86.445.241.996
2	Phải trả người bán	24.000.309.804	35.791.913.683
3	Người mua trả tiền trước	23.250.431.908	48.855.307.235
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	11.622.959.894	7.639.818.764
5	Phải trả người lao động	7.600.511.721	9.519.736.721
6	Chi phí phải trả	155.580.812	4.220.819.602
7	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	4.653.881.828	2.187.245.277
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	229.476.704	583.961.331
<b>Nợ dài hạn</b>		<b>10.780.755.776</b>	<b>12.435.003.776</b>
1	Vay và nợ dài hạn	10.780.755.776	12.435.003.776
<b>Tổng cộng</b>		<b>138.933.787.597</b>	<b>207.679.048.385</b>





### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2014, Công ty đã và đang áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008, đây là một bước tiến lớn, tạo nền tảng vững chắc để công ty ngày càng phát triển bền vững.

“Chất lượng cho từng sản phẩm” luôn luôn là mục tiêu phấn đấu của Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 (SICCO), là uy tín, danh dự để công ty tồn tại và phát triển. Bằng những bước đi vững chắc, những điều Công ty muốn mang đến cho khách hàng mỗi ngày chính là sự tin tưởng cho từng dự án mọi lúc và mọi nơi. Công ty luôn không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng công trình cung cấp cho khách hàng, đặt lợi ích của khách hàng và cộng đồng lên hàng đầu.

Để đảm bảo được chất lượng tốt nhất cho mỗi công trình Công ty tạo ra, Chúng tôi cam kết thiết lập và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng đáp ứng theo các yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2008, và cải tiến thường xuyên tính hiệu lực của Hệ thống chất lượng.

Xây dựng, duy trì, phát triển đội ngũ nhân viên giàu nhiệt huyết, chuyên môn cao, làm việc chuyên nghiệp không ngừng phấn đấu vì mục tiêu chất lượng công trình.

Certificate of Registration



This is to certify that the Quality Management System of

**SONG DA 9 CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY**  
5 Floor, Rainbow Building, Van Quan Urban Area, Van Quan Ward, Ha Dong District, Hanoi, Vietnam

applicable to

Construction of civil, industrial, transport, agriculture and rural development projects;  
Manufacture of concrete products.

has been assessed and registered by NQA against the provisions of

**BS EN ISO 9001 : 2008**

This registration is subject to the company maintaining a quality management system, to the above standard, which will be monitored by NQA.

*Alan Wood*

Certification Director



Certificate No: 80678  
Date: 24 June 2014  
Valid Until: 24 June 2017  
EAO Code: 18/28



LƯU ĐỒ QUÁ TRÌNH QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH XÂY LẬP			
Stt	Trách nhiệm	Hoạt động chính	Tham chiếu
1	Ban lãnh đạo CTY	Tiếp nhận thông tin Yêu cầu CĐT, Hs thầu	QT đấu thầu
2	Ban lãnh đạo	Xử lý	QT đấu thầu
3	Các phòng chức năng	Làm Hồ sơ thầu/chi định thầu	
4	Ban lãnh đạo CTY	K.trả, Duyệt	QT đấu thầu
5	Khách hàng, Tổ đàm phán hợp đồng	Thiết lập, thương thảo HĐ	QT Ký và quản lý hợp đồng
6	Khách hàng, GD (được uỷ quyền)	Ký HĐ	
7	Đội thi công Các phòng Cty	Thành lập Ban CHCT Giao nhiệm vụ cho Đội Lập Kế hoạch thi công	QT chuẩn bị thi công QT đánh giá lựa chọn NCC
8	Khách hàng Đội thi công, Các phòng Cty và thầu phụ	Triển khai Dự án Ng. thu, bàn giao từng phần Thanh toán	QT QL thiết bị thi công, thiết bị đo QT triển khai thi công công trình
9	Khách hàng Đội thi công, Các phòng Cty và thầu phụ	Nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng	QT nghiệm thu, thanh toán, quyết toán, bảo hành công trình
10	Khách hàng Đội thi công, Các phòng Cty và thầu phụ	Quyết toán Bảo hành	
11	Khách hàng Các phòng Cty	Tổng kết Dự án Lưu trữ Hồ sơ	QT kiểm soát hồ sơ



#### **Bộ phận kiểm tra chất lượng của công ty:**

Để đảm bảo các công trình thi công xây dựng đạt chất lượng, tiến độ theo hợp đồng ký kết và đảm bảo các công trình thi công không xảy ra tai nạn lao động nghiêm trọng dẫn đến chết người. Công ty đã thành lập Ban chỉ đạo ISO nhằm mục tiêu kiểm tra, giám sát tuân thủ theo đúng quy định, quy trình của Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008.

Cơ cấu Ban chỉ đạo ISO bao gồm:

- Trưởng ban: 01 người là Phó giám đốc công ty
- Phó trưởng ban: 02 người là Trợ lý giám đốc và Phụ trách Phòng Tổ chức hành chính
- Thư ký: 01 người là Phó phòng Tổ chức hành chính
- Ủy viên: 05 người là các trưởng phó phòng của các phòng ban: Cơ giới vật tư, Kinh doanh đấu thầu, Kinh tế kế hoạch, Kiểm tra chất lượng thi công an toàn, Tài chính kế toán.

#### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

Định hướng và mục tiêu phát triển của Công ty cổ phần XD&ĐT Sông Đà 9 là: xây dựng và phát triển Công ty trở thành doanh nghiệp mạnh đáp ứng các yêu cầu khắt khe về hội nhập kinh tế toàn cầu, là nhà thầu mạnh, nhà đầu tư hiệu quả góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Để thực hiện mục tiêu trên, đơn vị tập trung xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ có chuyên môn giỏi, công nhân có tay nghề cao đáp ứng kịp thời yêu cầu công việc và sự tăng trưởng của Công ty. Bên cạnh đó, đơn vị tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực máy móc thiết bị hợp lý trên cơ sở năng lực tài chính và yêu cầu của công việc. Công ty xác định xây dựng hạ tầng giao thông đường bộ, giao thông đường thủy, thủy điện, thủy lợi là ngành nghề mũi nhọn tạo bước đột phá cho sự phát triển của Đơn vị. Sự phát triển bền vững của ngành nghề mũi nhọn là cơ sở để Công ty có sự dịch chuyển sang lĩnh vực thương mại, dịch vụ và đầu tư.

Công ty tin tưởng với sự tâm huyết, quyết tâm cao của toàn thể cán bộ, công nhân viên và chiến lược phát triển đúng đắn, Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 sẽ đạt được mục tiêu đã đề ra.



#### IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

##### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

###### 1.1 Những việc đã làm được

###### Về định hướng chiến lược:

###### a) Định hướng chiến lược:

- Đã xây dựng đội ngũ cán bộ, nhân viên đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng.
- Thực hiện chia tách, sáp nhập các bộ phận, đơn vị đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu quả.
- Cân đối năng lực thi công trên công trường nhằm giảm thiểu chi phí và tăng năng suất lao động.
- Thường xuyên tìm kiếm, thay đổi các đối tác cung cấp nguồn nguyên liệu nhằm ổn định sản xuất, giảm thiểu giá thành đầu vào nâng cao lợi nhuận SXKD của Công ty.

###### b) Công tác quản lý:

- Chú trọng công tác nhân sự từ các cấp quản lý tới các cá nhân trực tiếp thi công trên công trường. Liên tục tổ chức đào tạo và đào tạo lại tại chỗ đối với toàn thể CBCNV đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh chung của Công ty.
- Phân loại, thanh lý đối với các xe máy cũ có hiệu quả thi công thấp và tiến hành đầu tư mới nhằm nâng cao năng lực thi công của Công ty.
- Thực hiện đầy đủ quy trình, giám sát chặt chẽ công tác sử dụng máy móc thiết bị và đánh giá thường xuyên tiêu hao nhiên liệu, mặt khác kiểm soát tốt nguồn/sàng lọc nhà thầu cung cấp nguyên liệu, vật tư phục vụ công tác thi công trên công trường.
- Thường xuyên vận dụng, bổ sung sửa đổi các quy chế, quy định đảm bảo phù hợp với định hướng hoạt động của Công ty trong năm 2014 và các năm tiếp theo.
- Khai thác triệt để các tính năng ứng dụng của các phần mềm quản lý nhằm rút ngắn và đơn giản các quy trình thực hiện công việc tại mỗi công đoạn.

###### Về Công tác quản trị - Giám sát thực hiện:

###### a) Công tác Quản trị:

- Tận dụng các cơ hội phát triển, mạnh dạn đầu tư vào các lĩnh vực mới bắt kịp xu hướng thời đại, đặc biệt trong lĩnh vực thi công xây dựng.
- Phát triển mạnh các nguồn lực sẵn có, tiến hành tái hồi các phương tiện sản xuất lạc hậu nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

###### b) Giám sát thực hiện:

- Sáp nhập, giải thể, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban, bộ phận phục vụ hiệu quả cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực chuyên môn.

- Phân tích hiệu quả đầu tư, tiến hành tạm dừng đối với các công trình, dự án chưa thực sự mang lại hiệu quả kinh tế, tập trung vào lĩnh vực hoạt động chính của Công ty.
- Cân đối xe phục vụ, điều động hợp lý đảm bảo kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Rà soát các hợp đồng, chi đạo xuất toán đối với các hạng mục công trình dở dang.
- Trên cơ sở kế hoạch SXKD của Công ty phê duyệt lại quy chế trả lương, quy chế quản lý công tác Hợp đồng và quy chế làm việc áp dụng cho toàn Công ty.
- Thực hiện các chế độ liên quan đối với người lao động đảm bảo tăng cường gắn bó và đóng góp của mỗi CBCNV đối với Công ty.

## 1.2 Những việc chưa làm được

Bên cạnh những việc đã đạt được, Công ty còn một số tồn tại chưa giải quyết được cụ thể như sau:

- Công tác tổ chức, đổi mới doanh nghiệp.
  - Chưa thực hiện triệt để việc sắp xếp, định biên nhân sự, đặc biệt là bộ máy gián tiếp, phục vụ tại cơ quan Công ty cũng như tại các đội xây lắp;
- Công tác thi công, nghiệm thu, bàn giao công trình:

Một số công trình đã thi công xong nhưng chưa nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng, chưa được thanh quyết toán, đặc biệt là công trình Nhà máy xi măng Hạ Long, thủy điện Nậm Khánh, Hòa Na, Xekaman ...

- Công tác thu hồi vốn và công nợ còn chậm

## 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty

Với chức năng điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban giám đốc có quyền quyết định các công việc liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty, đồng thời có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Do đó hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban giám đốc không chỉ ở việc tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT và còn đối với các hoạt động thuộc phạm vi quyền hạn của Ban giám đốc:

Đối với thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ về kế hoạch SXKD hàng năm được ĐHĐCĐ thông qua: Ban giám đốc có trách nhiệm triển khai và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, bán niên với HĐQT để HĐQT nắm được và có quyết định điều chỉnh hoặc bổ sung kịp thời đối với những vấn đề phát sinh cần có quyết định của HĐQT. Với những vấn đề thuộc thẩm quyền phê chuẩn của ĐHĐCĐ thì HĐQT sẽ tiến hành các bước cần thiết theo quy định



của pháp luật, của điều lệ công ty để có được sự phê chuẩn trong thời gian nhanh nhất để Ban giám đốc tiếp tục thực thi nhiệm vụ của mình một cách có hiệu quả.

Việc thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT: Đối với các quyết định của HĐQT mang tính chiến lược, kế hoạch phát triển trung và dài hạn thì trong quá trình triển khai Ban giám đốc có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện định kỳ, theo giai đoạn bằng văn bản, đồng thời qua các cuộc họp chuyên môn,... Với các quyết định khác quy định thời gian thực hiện, Ban giám đốc triển khai và thực hiện báo cáo kết quả ngay khi công việc kết thúc.

### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

#### **3.1 Định hướng**

- Phê duyệt, bổ sung và chỉnh sửa tăng cường mở rộng mối quan hệ, tập trung tìm kiếm và chỉ đạo triển khai các dự án do Tổng công ty Sông Đà, Tập đoàn Dầu khí, Tập đoàn Điện lực, các Ban quản lý thuộc Bộ Giao thông vận tải, Bộ xây dựng nhằm mục đích mở rộng hoạt động SXKD, tạo cơ hội tăng thu nhập cho CBCVN Công ty đồng thời khẳng định uy tín, tạo thương hiệu đối với các Chủ đầu tư;
- Ban hành các quy chế, quy trình làm việc của Công ty phù hợp với tình hình thực tế và xu hướng phát triển về quy mô và năng lực của Công ty;
- Chỉ đạo ổn định công tác tổ chức, phê duyệt cơ cấu mô hình tổ chức sản xuất của Công ty phù hợp với thực tế SXKD, Điều lệ và Quy chế hoạt động của Công ty;
- Chiến lược đào tạo con người, đặc biệt công tác bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và lực lượng lao động lành nghề đã được quan tâm hàng đầu, việc triển khai thực hiện đạt hiệu quả cao.
- Chỉ đạo, đôn đốc thực hiện triển khai các dự án đầu tư có hiệu quả: Xe máy, thiết bị thi công phục vụ các dự án công ty đang tham gia thi công và định hướng đầu tư phù hợp đảm bảo tiến độ và kế hoạch;
- Phân tích nhu cầu, định hướng đầu tư máy móc, thiết bị, vật tư phù hợp đảm bảo ổn định sản xuất.

#### **3.2 Chỉ đạo thực hiện và kế hoạch hành động**

Năm 2015, toàn Công ty cần tập trung huy động mọi nguồn lực về tài chính, nhân lực, máy móc thiết bị, triển khai đồng bộ đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ sản xuất, với các mục tiêu và một số giải pháp trong từng lĩnh vực công tác sau:

##### **3.2.1 Công tác thi công, thu hồi công nợ tại các công trình**

Đảm bảo mục tiêu tiến độ các công trình: Thi công các công trình hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng công trình theo hợp đồng ký kết với Chủ đầu tư.

### 3.2.2 Công tác đầu tư

- Cân đối năng lực xe máy thiết bị hiện có và nhu cầu mở rộng SXKD, thực tế sản xuất, Giám đốc Công ty trình HĐQT phê duyệt các dự án đầu tư nhằm nâng cao năng lực thiết bị thi công hiện đại.

### 3.2.3 Công tác tiếp thị, đấu thầu

- Tăng cường công tác tiếp thị, từng bước mở rộng thị trường để chuẩn bị cho kế hoạch SXKD năm 2015 và các năm tiếp theo;

- Nắm tình hình, chuẩn bị các điều kiện để tham gia đấu thầu những gói thầu thuộc các dự án lớn: Dự án Phát triển giao thông vận tải khu vực Đồng bằng Bắc bộ, Nam bộ, các dự án về giao thông khác.

- Tìm kiếm các công việc tại các dự án nhiệt điện lớn như: Nhiệt điện Long Phú; Thái Bình; Sông Hậu...

- Có báo cáo đánh giá, rút kinh nghiệm trong quá trình triển khai các dự án trước đây trong tất cả các khâu (đấu thầu, đàm phán, ký kết hợp đồng với CĐT...) đảm bảo tối đa lợi nhuận thu được từ các dự án, công trình chuẩn bị thực hiện.

### 3.2.4 Công tác tổ chức, đổi mới doanh nghiệp

- Thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, mở rộng sản xuất.

- Hoàn thiện bộ nhận diện thương hiệu và tăng cường công tác truyền thông với phương châm **“Kiến tạo giá trị - Vị thế nâng tầm”**. Duy trì Hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và cải tiến thường xuyên nâng cao tính hiệu lực của Hệ thống này.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các phòng chức năng theo chuyên ngành nhằm giải quyết tốt các nghiệp vụ phát sinh; Cùng cố và tăng cường lực lượng làm công tác thị trường và hồ sơ dự thầu các công trình đặc biệt là công trình giao thông;

- Đánh giá, thực hiện công tác định biên nhân sự và luân chuyển cán bộ để tạo nguồn cho các năm tiếp theo;

- Phát động các phong trào thi đua hoàn thành các mục tiêu tiến độ trên các công trình đang thi công.

- Theo dõi, đánh giá việc áp dụng quy chế trả lương mới nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao đóng góp cho công ty.

- Tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định quản lý nội bộ cho phù hợp với pháp luật và thực tế hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu tối đa chi phí quản lý, nâng cao hiệu quả điều hành sản xuất;

- Xây dựng cẩm nang điều hành cho toàn bộ các lĩnh vực liên quan trong và ngoài lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

### 3.2.5 Công tác Kinh tế - Kỹ thuật – Tài chính kế toán

- Quản lý chặt chẽ tiến độ, chất lượng các công trình thi công, duy trì và thực hiện nghiêm túc về việc giám sát thi công;

- Bám sát Chủ đầu tư để kịp thời giải quyết các vướng mắc về thiết kế, biện pháp thi công, dự



toán để đẩy nhanh tiến độ thu vốn;

- Tập trung triển khai thi công đúng tiến độ các công trình nhằm hoàn thành xuất sắc kế hoạch các chỉ tiêu kinh tế đã đề ra;
- Các phòng thường xuyên kết hợp với các đội trong công tác thanh, quyết toán công trình đã và đang thi công;
- Kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí, sử dụng vốn hợp lý, kịp thời hạch toán bảo đảm phản ánh đúng tình hình, hiệu quả SXKD;
- Thu hồi công nợ: Đẩy nhanh tiến độ thu vốn, công nợ các hạng mục công trình đang thi công. Đơn đốc các đơn vị có liên quan hoàn tất thủ tục thanh toán dứt điểm công nợ tại các công trình như Nậm Khánh, Hòa Na, Xekaman 3, ...
- Thường xuyên kiểm tra, đơn đốc hoạt động và bảo đảm chế độ của mạng lưới an toàn viên. Triển khai kiểm tra việc thực hiện biện pháp đảm bảo an toàn trong ngành xây dựng.

### 3.2.6 Công tác quản lý vật tư cơ giới

- Cân đối bố trí xe máy thiết bị phù hợp với biện pháp thi công nhằm nâng cao hiệu quả và hệ số sử dụng xe máy thiết bị hiện có của Công ty;
- Tiếp tục chấn chỉnh lại công tác chăm sóc bảo dưỡng kỹ thuật xe, máy, thiết bị đúng quy trình quy phạm, đảm bảo kế hoạch sửa chữa lớn xe máy thiết bị.
- Xây dựng kế hoạch đào tạo nâng cao trình độ tay nghề, nâng cao kiến thức và kỹ năng vận hành, bảo dưỡng kỹ thuật xe, máy, đảm bảo năng lực xe, máy đáp ứng được yêu cầu tiến độ thi công;
- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc sử dụng xe máy, quyết toán nhiên liệu, sử dụng vật tư phụ tùng ở các đơn vị, có biện pháp chấn chỉnh kịp thời khi phát hiện sai sót;

## V. Quản trị Công ty

### 1. Hội đồng quản trị

#### 1.1 Thành viên HĐQT và cơ cấu của HĐQT

- |                        |  |
|------------------------|--|
| - Ông Nguyễn Công Hùng | - Chủ tịch HĐQT                              |
| - Ông Nguyễn Đăng Lanh | - Thành viên HĐQT Miễn nhiệm ngày 29/01/2015 |
| - Ông Nguyễn Văn Đại   | - Thành viên HĐQT Miễn nhiệm ngày 29/01/2015 |
| - Ông Nguyễn Chính Đại | - Thành viên HĐQT                            |
| - Ông Trần Nhân Nghĩa  | - Thành viên HĐQT                            |
| - Ông Hoàng Công Tuấn  | - Thành viên HĐQT Bổ nhiệm ngày 29/01/2015   |

- Ông Lương Thanh Tùng - Thành viên HĐQT Bổ nhiệm ngày 29/01/2015

## 1.2 Các tiểu ban thuộc HĐQT

Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban.

## 1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị

### 1.3.1 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch	5/5	100%	
2	Nguyễn Đăng Lanh	Thành viên	5/5	100%	
3	Nguyễn Văn Đại	Thành viên	5/5	100%	
4	Nguyễn Chính Đại	Thành viên	5/5	100%	
5	Trần Nhân Nghĩa	Thành viên	5/5	100%	

### 1.3.2 Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị với Ban giám đốc

Với chức năng điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban giám đốc có quyền quyết định các công việc liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty, đồng thời có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Do đó hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban giám đốc không chỉ ở việc tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT và còn đối với các hoạt động thuộc phạm vi quyền hạn của Ban giám đốc:

Đối với thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ về kế hoạch SXKD hàng năm được ĐHĐCĐ thông qua: Ban giám đốc có trách nhiệm triển khai và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, bán niên với HĐQT để HĐQT nắm được và có quyết định điều chỉnh hoặc bổ sung kịp thời đối với những vấn đề phát sinh cần có quyết định của HĐQT. Với những vấn đề thuộc thẩm quyền phê chuẩn của ĐHĐCĐ thì HĐQT sẽ tiến hành các bước cần thiết theo quy định của pháp luật, của điều lệ công ty để có được sự phê chuẩn trong thời gian nhanh nhất để Ban giám đốc tiếp tục thực thi nhiệm vụ của mình một cách có hiệu quả.

Việc thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT: Đối với các quyết định của HĐQT mang tính chiến lược, kế hoạch phát triển trung và dài hạn thì trong quá trình triển khai Ban giám đốc có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện định kỳ, theo giai đoạn bằng văn bản, đồng thời



qua các cuộc họp chuyên môn,... Với các quyết định khác quy định thời gian thực hiện, Ban giám đốc triển khai và thực hiện báo cáo kết quả ngay khi công việc kết thúc.

### 1.3.3 Các nghị quyết của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày	Nội dung
1	1 QĐ/SINCO/HĐQT	10/01/14	Điều chỉnh dự án đầu tư 2012 GDII
2	1A QĐ/SINCO/HĐQT	06/02/14	Phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu XM07
3	2 QĐ/SINCO/HĐQT	16/01/14	Phê duyệt kế hoạch đấu thầu gói thầu XM08, XM09
4	3 QĐ/SINCO/HĐQT	18/01/14	Phê duyệt hồ sơ mời thầu gói thầu XM08
5	4 QĐ/SINCO/HĐQT	19/01/14	Phê duyệt hồ sơ yêu cầu gói thầu XM09
6	5 QĐ/SINCO/HĐQT	19/02/14	Phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu XM09
7	6 QĐ/SINCO/HĐQT	21/02/14	Phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu XM08
8	8 QĐ/SINCO/HĐQT	01/03/14	Bổ nhiệm cán bộ ( Lê Công Viên)
9	9 QĐ/SINCO/HĐQT	08/03/14	Phê duyệt dự án đầu tư 14
10	10 QĐ/SINCO/HĐQT	17/03/14	Phê duyệt Hợp đồng thi công đường Bắc Lào
11	11 QĐ/SINCO/HĐQT	03/04/14	Cử cán bộ đi đào tạo ngắn hạn
12	12 QĐ/SINCO/HĐQT	10/04/14	Đăng ký lưu ký chứng khoán
13	13 QĐ/SINCO-HĐQT	21/02/14	Phê duyệt DAĐT nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 14 GD1
14	13a QĐ/SINCO-HĐQT	05/03/14	Phê duyệt kế hoạch đấu thầu DAĐT nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 14 GD1
15	14 QĐ-SINCO-HĐQT	12/05/14	Phê duyệt DAĐT nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 14 GD2
16	15 QĐ-SINCO-HĐQT	25/04/14	QĐ chỉ định Thư ký Công ty (ông Hải thay ông Viên)
17	16 QĐ-SICCO-HĐQT	15/05/14	Quyết định thành lập Tổ thẩm định thuộc Công ty
18	17 QĐ-SICCO-HĐQT	20/05/14	QĐ phương án vay vốn tại BIDV chi nhánh



STT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày	Nội dung
			Hà Tây
19	18 QĐ-SICCO-HĐQT	30/05/14	Quyết định ban hành định mức nhiên liệu trần đối với XMTB
20	19 QĐ-SICCO-HĐQT	25/04/14	QĐ ban hành quy chế hoạt động Hội đồng Kinh tế - Kỹ thuật công nghệ
21	20 QĐ-SICCO-HĐQT	06/05/14	QĐ Phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT
22	21 QĐ-SICCO-HĐQT	09/06/14	QĐ lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC 14 (Cty TNHH Hãng kiểm toán AASC)
23	22 QĐ-SICCO-HĐQT	29/05/14	QĐ thanh lý TSCĐ (xe 28H 1982)
24	23 QĐ-SICCO-HĐQT	23/06/14	Quyết định ban hành quy chế hoạt động của HĐQT
25	24 QĐ-SICCO-HĐQT	27/06/14	QĐ về việc thế chấp nhà xưởng tại BIDV Chi nhánh Hà Tây
26	25 QĐ-SICCO-HĐQT	04/07/14	QĐ về thanh lý tài sản cố định (máy biến áp 560KVA)
27	26 QĐ-SICCO-HĐQT	04/07/14	QĐ ban hành định mức nhiên liệu trần máy đào bánh lốp DOOSAN-S180W
28	27 QĐ-SICCO-HĐQT	21/07/14	Phê duyệt kết quả bán đấu giá máy biến áp 560KVA
29	28 QĐ-SICCO-HĐQT	07/08/14	Phê duyệt dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 14 giai đoạn 3
30	29 QĐ-SICCO-HĐQT	16/08/14	Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 14 - GD2 ngày 16/08/14
31	30 QĐ-SICCO-HĐQT	16/08/14	Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 14 - GD3 ngày 16/08/14
32	31 QĐ-SICCO-HĐQT	18/08/14	Phê duyệt Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh



STT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày	Nội dung
			tranh rút gọn gói thầu XM01 thuộc dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 14 - GD2 ngày 18/08/14
33	32 QĐ-SICCO-HĐQT	18/08/14	Phê duyệt Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh rút gọn gói thầu XM03 thuộc dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 14 - GD3 ngày 18/08/14
34	32a QĐ-SICCO-HĐQT	20/08/14	Phê duyệt hồ sơ yêu cầu báo giá gói thầu XM02, dự án DT nâng cao năng lực thi công năm 14 GD3
35	33 QĐ-SICCO-HĐQT	25/08/2018	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM01 thuộc Dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 14 - GD2 ngày 25/08/14
36	34 QĐ-SICCO-HĐQT	25/08/14	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM03 thuộc Dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 14 - GD2 ngày 25/08/14
37	35 QĐ-SICCO-HĐQT	01/09/14	QĐ ban hành quy chế trả lương khối gián tiếp Công ty
38	36 QĐ-SICCO-HĐQT	03/09/14	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM02 dự án DT nâng cao năng lực thi công năm 14 GD3
39	37 QĐ-SICCO-HĐQT	04/09/14	QĐ phê duyệt hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh gói thầu XM06 dự án đầu tư 14 GD3
40	38 QĐ-SICCO-HĐQT	16/09/14	QĐ phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM06 dự án đầu tư 14 GD4
41	38a QĐ-SICCO-HĐQT	22/09/14	QĐ phê duyệt hồ sơ yêu cầu chào giá gói thầu XM07 (tàu 350CV)



STT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày	Nội dung
42	38b QĐ-SICCO-HĐQT	26/09/14	QĐ thanh lý tài sản xe Ford Ranger
43	39 QĐ-SICCO-HĐQT	27/09/14	Quyết định của HĐQT về việc phê duyệt dự án đầu tư năm 14-GĐ4
44	40 QĐ-SICCO-HĐQT	30/09/14	Quyết định của HĐQT về việc phê duyệt Kế hoạch đấu thầu dự án đầu tư năm 14-GĐ4
45	41 QĐ-SICCO-HĐQT	01/10/14	Quyết định của HĐQT về việc phê duyệt dự án đầu tư năm 14-GĐ5
46	42 QĐ-SICCO-HĐQT	03/10/14	Quyết định của HĐQT về việc phê duyệt Kế hoạch đấu thầu dự án đầu tư năm 14-GĐ5
47	43 NQ-SICCO-HĐQT	03/10/14	Quyết định ban hành hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh gói thầu XM01 dự án 14-GĐ4
48	44 QĐ-SICCO-HĐQT	06/10/14	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM07 (tàu kéo CS350CV)
49	45 QĐ-SICCO-HĐQT	08/10/14	Quyết định phê duyệt kết quả bán đấu giá xe ô tô Ford Ranger BKS 29M 9280
50	46 QĐ-SICCO-HĐQT	18/10/14	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM01
51	47 QĐ-SICCO-HĐQT	22/10/14	Quyết định về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh gói thầu XM01
52	48 QĐ-SICCO-HĐQT	24/10/14	Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Dự án đầu tư nâng cao năng lực thi công năm 14 GĐ1
53	49 QĐ-SICCO-HĐQT	28/10/14	Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Dự án đầu tư nâng cao năng lực thi công năm 14 GĐ2
54	50 QĐ-SICCO-HĐQT	06/11/14	Quyết định của HĐQT về việc phê duyệt dự án đầu tư năm 14-GĐ6





STT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày	Nội dung
55	51 QĐ-SICCO-HĐQT	10/11/14	Quyết định của HĐQT về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án đầu tư năm 14-GĐ6
56	52 QĐ-SICCO-HĐQT	11/11/14	Quyết định về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu gói thầu XM01
57	52a QĐ-SICCO-HĐQT	11/11/14	Quyết định về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu báo giá gói thầu XM02
58	52b QĐ-SICCO-HĐQT	11/11/14	Quyết định về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu báo giá gói thầu XM08
59	53 QĐ-SICCO-HĐQT	17/11/14	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM01
60	54 QĐ-SICCO-HĐQT	18/11/14	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM02
61	55 QĐ-SICCO-HĐQT	18/11/14	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM08
62	56 QĐ-SICCO-HĐQT	25/11/14	Quyết định ban hành quy chế công bố thông tin của Công ty
63	57 QĐ-SICCO-HĐQT	25/11/14	Quyết định ban hành quy chế quản trị Công ty
64	58 QĐ-SICCO-HĐQT	25/11/14	Quyết định ban hành quy trình công bố thông tin nội bộ Công ty
65	59 QĐ-SICCO-HĐQT	31/12/14	Quyết định về việc mua xe oto phục vụ công tác quản lý, điều hành



## 2. Ban kiểm soát

### 2.1 Thành viên BKS và cơ cấu của BKS

- Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng - Trưởng BKS Miễn nhiệm ngày 29/01/2015
- Bà Trần Thị Len - Trưởng BKS Bổ nhiệm ngày 29/01/2015
- Ông Phan Thanh Hải - Thành viên BKS
- Ông Quân Thanh Sơn - Thành viên BKS

### 2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát

- Hoạt động của Ban kiểm soát/ Kiểm soát viên: Trong năm 2013, BKS thường xuyên tham gia trực tiếp vào các cuộc họp của HĐQT hàng quý. Ban kiểm soát đã trực tiếp nắm bắt thông tin quản trị và báo cáo tài chính hàng quý, năm từ các bộ phận chuyên môn của Công ty; đã tham gia để Ban Tổng giám đốc báo cáo HĐQT kịp thời.
- Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty: Thường xuyên chỉ đạo và giám sát Ban Tổng giám đốc thực hiện các chỉ đạo của HĐQT thông qua các nghị quyết, quyết định của HĐQT, nghị quyết đại hội đồng cổ đông.
- Thực hiện đầy đủ công tác báo cáo, kiểm tra giám sát, thực hiện các quyền hạn và trách nhiệm đúng với quy chế và các quy định của pháp luật.

## 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

### 3.1 Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

TT	Họ và tên	Chức danh	Tiền thù lao	Tiền lương thưởng
<b>A</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>			
1	Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch HĐQT	68.000.000	
2	Nguyễn Đăng Lanh	Thành viên HĐQT	64.000.000	
3	Nguyễn Văn Đại	Thành viên HĐQT	60.000.000	
4	Nguyễn Chính Đại	Thành viên HĐQT	60.000.000	





TT	Họ và tên	Chức danh	Tiền thù lao	Tiền lương thưởng
5	Trần Nhân Nghĩa	Thành viên HĐQT	40.000.000	
6	Nguyễn Duy Quang	Thành viên HĐQT	20.000.000	
7	Lê Công Viên	Thư ký HĐQT	8.000.000	
8	Hoàng Phúc Hải	Thư ký HĐQT	16.000.000	
<b>B</b>	<b>Ban kiểm soát</b>			
1	Nguyễn Thị Lệ Hằng	Trưởng BKS	60.000.000	
2	Phan Thanh Hải	Thành viên BKS	32.000.000	
3	Nguyễn Quang Hưng	Thành viên BKS	16.000.000	
4	Quản Thanh Sơn	Thành viên BKS	32.000.000	
5	Nguyễn Đức Thọ	Thành viên BKS	16.000.000	
<b>C</b>	<b>Ban Giám đốc</b>			
1	Nguyễn Công Hùng	Giám đốc		496.888.409
2	Nguyễn Chính Đại	Phó giám đốc		310.878.594
3	Hoàng Công Tuấn	Phó giám đốc		317.247.903
4	Nguyễn Quang Hưng	Phó giám đốc		313.228.719
5	Lê Công Viên	Phó giám đốc		295.921.745

### 3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

T T	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng,..)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty CP Sông Đà 9	Công ty mẹ	2.550.000	51%	0	0%	Giảm do thoái vốn
2	Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch HĐQT	50.000	1%	137.100	2,74%	Tăng do đầu tư thêm
3	Nguyễn Đăng Lanh	Ủy viên HĐQT	0	0%	41.200	0,82%	Tăng do đầu tư thêm
4	Nguyễn Ánh Lợi	Con gái ông Nguyễn Đăng Lanh	5.000	0,1%	16.400	0,33%	Tăng do đầu tư thêm
5	Nguyễn Thị Hồng Ánh	Con gái ông Nguyễn Đăng Lanh	5.000	0,1%	11.500	0,23%	Tăng do đầu tư thêm

### 3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không có





## VI. Báo cáo tài chính

### 1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 được thành lập theo Quyết định số 29/2010/QĐ-HĐQT ngày 08/05/2010 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 9 về việc chuyển đổi Công ty TNHH MTV Cơ khí và Sửa chữa Sông Đà 9 thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 03 tháng 06 năm 2014.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

- |                        |                   |                            |
|------------------------|-------------------|----------------------------|
| - Ông Nguyễn Công Hùng | - Chủ tịch HĐQT   | Bổ nhiệm ngày 18/04/2014   |
| - Ông Nguyễn Đăng Lanh | - Thành viên HĐQT | Miễn nhiệm ngày 18/04/2014 |
| - Ông Nguyễn Văn Đại   | - Thành viên HĐQT |                            |
| - Ông Nguyễn Chính Đại | - Thành viên HĐQT |                            |
| - Ông Trần Nhân Nghĩa  | - Thành viên HĐQT | Bổ nhiệm ngày 18/04/2014   |
| - Ông Nguyễn Duy Quang | - Thành viên HĐQT | Miễn nhiệm ngày 18/04/2014 |



Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

- |                         |                |                            |
|-------------------------|----------------|----------------------------|
| - Ông Nguyễn Công Hùng  | - Giám đốc     | Miễn nhiệm ngày 16/01/2015 |
| - Ông Hoàng Công Tuấn   | - Giám đốc     | Bổ nhiệm ngày 16/01/2015   |
| - Ông Nguyễn Chính Đại  | - Phó giám đốc |                            |
| - Ông Nguyễn Quang Hưng | - Phó giám đốc |                            |
| - Ông Lê Công Viên      | - Phó giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/03/2014   |

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

- |                         |                  |                            |
|-------------------------|------------------|----------------------------|
| - Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng | - Trưởng BKS     |                            |
| - Ông Phan Thanh Hải    | - Thành viên BKS | Bổ nhiệm ngày 18/04/2014   |
| - Nguyễn Quang Hưng     | - Thành viên BKS | Miễn nhiệm ngày 18/04/2014 |
| - Ông Quản Thanh Sơn    | - Thành viên BKS | Bổ nhiệm ngày 18/04/2014   |
| - Nguyễn Đức Thọ        | - Thành viên BKS | Miễn nhiệm ngày 18/04/2014 |

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;





- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

*(Đã ký)*

---

**Hoàng Công Tuấn**

Giám đốc

*Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2015*

Số: /2015/BC.KTTC-AASC.KT2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc  
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 được lập ngày 29 tháng 01 năm 2015, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển





tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**

*(đã ký)*

*(đã ký)*

---

**Nguyễn Thanh Tùng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
Số: 0063-2013-002-1

---

**Vũ Xuân Biền**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
Số: 0743-2013-002-1

*Hà Nội, ngày 04 tháng 02 năm 2015*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014*

Mẫu số: B01-HN  
Đơn vị tính: VNĐ

STT	TÀI SẢN	Mã số	Ghi chú	31/12/2014	01/01/2014
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>209.795.236.850</b>	<b>153.289.084.039</b>
<b>I</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>3</b>	<b>15.824.868.599</b>	<b>18.344.952.319</b>
1	Tiền	111		9.824.868.599	18.344.952.319
2	Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	-
<b>II</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>111.560.206.050</b>	<b>83.411.196.826</b>
1	Phải thu khách hàng	131		106.234.469.109	79.279.332.399
2	Trả trước cho người bán	132		3.765.814.401	1.588.017.005
3	Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134			
4	Các khoản phải thu khác	135	4	2.164.690.939	3.148.615.821
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(604.768.399)	(604.768.399)
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5</b>	<b>77.806.723.564</b>	<b>46.906.143.692</b>
1	Hàng tồn kho	141		77.827.761.096	46.927.181.224
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(21.037.532)	(21.037.532)
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.603.438.637</b>	<b>4.626.791.202</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6	230.944.150	-
2	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		770.411.934	-
3	Tài sản ngắn hạn khác	158	7	3.602.082.553	4.626.791.202
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>64.585.445.506</b>	<b>45.015.800.262</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>62.102.108.963</b>	<b>44.108.601.054</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	8	60.888.201.742	43.276.653.833
	- Nguyên giá	222		92.914.048.823	69.005.039.215
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(32.025.847.081)	(25.728.385.382)
2	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	1.213.907.221	831.947.221
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
1	- Nguyên giá	241		-	-
2	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
<b>IV</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>			
1	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2	Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
<b>IV</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.483.336.543</b>	<b>907.199.208</b>
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	10	2.286.840.353	907.199.208
3	Tài sản dài hạn khác			196.496.190	-
<b>VI</b>	<b>Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>			
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>274.380.682.356</b>	<b>198.304.884.301</b>





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014*  
*(Tiếp theo)*

Mẫu số: B01-HN  
Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Ghi chú	31/12/2014	01/01/2014
<b>A</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>207.679.048.385</b>	<b>138.933.787.597</b>
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>195.244.044.609</b>	<b>128.153.031.821</b>
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	11	86.445.241.996	56.639.879.150
2	Phải trả người bán	312		35.791.913.683	24.000.309.804
3	Người mua trả tiền trước	313		48.855.307.235	23.250.431.908
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	7.639.818.764	11.622.959.894
5	Phải trả người lao động	315		9.519.736.721	7.600.511.721
6	Chi phí phải trả	316	13	4.220.819.602	155.580.812
7	Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	319	14	2.187.245.277	4.653.881.828
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		583.961.331	229.476.704
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>12.435.003.776</b>	<b>10.780.755.776</b>
1	Vay và nợ dài hạn	334	15	12.435.003.776	10.780.755.776
2	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
<b>B</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>66.701.633.971</b>	<b>59.371.096.704</b>
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>66.701.633.971</b>	<b>59.371.096.704</b>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
3	Quỹ đầu tư phát triển	417		2.621.244.950	1.980.820.415
4	Quỹ dự phòng tài chính	418		913.064.515	592.852.248
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		13.167.324.506	6.797.424.041
<b>II</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>C</b>	<b>LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>274.380.682.356</b>	<b>198.304.884.301</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

STT	Chỉ tiêu	Mã số	ĐVT	31/12/2014	01/01/2014
1	Tài sản thuê ngoài		VND	-	-
2	Ngoại tệ các loại		USD	94,73	100,11
3	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		VND	-	-

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Lê Thị Thu Hiền

Trần Kim Sơn

Hoàng Công Tuấn

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2015



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2014

Mẫu số: B02-HN  
Đơn vị tính: VND

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Ghi chú	Năm 2014	Năm 2013
	1	2	3	4	5
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	18	218.966.824.436	184.411.281.701
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2			540.218.876
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		218.966.824.436	183.871.062.825
4	Giá vốn hàng bán	11	19	185.299.096.685	158.815.411.427
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		33.667.727.751	25.055.651.398
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	51.951.223	134.596.865
7	Chi phí tài chính	22	21	6.573.899.039	6.202.927.425
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.573.837.893	6.185.114.766
8	Chi phí bán hàng	24	22	174.045.456	93.867.348
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	23	13.265.804.265	9.872.007.553
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.705.930.214	9.021.445.937
11	Thu nhập khác	31	24	98.034.482	628.201.315
12	Chi phí khác	32	25	2.632.647.669	521.990.094
13	Lợi nhuận khác	40		(2.534.613.187)	106.211.221
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.171.317.027	9.127.657.158
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		3.028.440.133	2.412.411.813
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		8.142.876.894	6.715.245.345
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.629	1.343

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

**Lê Thị Thu Hiền**

Người lập

**Trần Kim Sơn**

Kế toán trưởng

**Hoàng Công Tuấn**

Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2015





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**Năm 2014**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
1	2	3	4
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>11.171.317.027</b>	<b>9.127.657.158</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	6.748.917.127	5.612.362.827
- Các khoản dự phòng	03	-	625.805.931
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	61.146	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(96.937.351)	(134.596.865)
- Chi phí lãi vay	06	6.573.837.893	6.185.114.766
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>24.397.195.842</b>	<b>21.416.343.817</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(27.865.029.176)	(41.522.746.139)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(30.900.579.872)	6.980.380.209
- Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	40.903.739.581	12.214.191.006
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.610.585.295)	331.947.249
- Tiền lãi vay đã trả	13	(6.555.963.648)	(6.137.647.433)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.578.895.462)	(1.630.574.769)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	393.732.518
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(657.344.372)	(578.257.194)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(6.867.462.402)</b>	<b>(8.532.630.736)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, XDTSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(24.780.813.908)	(6.129.507.926)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TS dài hạn	22	83.375.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	35.267.890	134.596.865
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(24.662.171.018)</b>	<b>(5.994.911.061)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	174.348.028.035	117.178.908.049
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(142.888.417.189)	(93.016.153.315)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.450.000.000)	(3.371.745.862)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>29.009.610.846</b>	<b>20.791.008.872</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(2.520.022.574)</b>	<b>6.263.467.075</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>18.344.952.319</b>	<b>12.081.485.244</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(61.146)	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>15.824.868.599</b>	<b>18.344.952.319</b>

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Lê Thị Thu Hiền  
Người lập

Trần Kim Sơn  
Kế toán trưởng

Hoàng Công Tuấn  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2015



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2014

### 1. THÔNG TIN CHUNG

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 được thành lập theo Quyết định số 29/2010/QĐ-HĐQT ngày 08/05/2010 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 9 về việc chuyển đổi Công ty TNHH MTV Cơ khí và Sửa chữa Sông Đà 9 thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 03 tháng 06 năm 2014.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 50.000.000.000 đồng; tương đương 5.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Từ ngày 29/05/2014 Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 được chấp thuận đăng ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam theo GCN số 36/2014/GCNCP-VSD ngày 29/05/2014, với mã chứng khoán là SCI.

#### 1.2 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây dựng công trình công nghiệp, trụ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất, xây dựng công trình cửa như: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... Đập và đê, xây dựng đường hầm; các công việc xây dựng khác không phải nhà như: các công trình thể thao ngoài trời;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng: Xây dựng nền móng của tòa nhà gồm đóng cọc, thử độ ẩm và các công việc thử nước, Chống ẩm các tòa nhà, chôn chân trụ, dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, uốn thép, xây gạch và đặt đá, lợp mái bao phủ tòa nhà; Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá hủy các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng treo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao; Các công việc dưới bề mặt; Xây dựng bể bơi ngoài trời; Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài tòa nhà; Thuê cần trục có người điều khiển.
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng: làm sạch mặt bằng xây dựng; vận chuyển đất: đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá, nổ mìn. Chuẩn bị mặt bằng để khai thác như: chuyển vật cồng kềnh và các hoạt động chuẩn bị, phát triển khác đối với các mặt bằng và tài sản khoáng sản, ngoại trừ ở những vùng dầu và khí;



Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý hoặc các mục đích tương tự; hệ thống cấp thoát nước mặt bằng xây dựng; hệ thống cấp thoát nước nông nghiệp và lâm nghiệp;

- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện như máy biến thế, rowle, cầu dao, cầu chì,...); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy công nghiệp.
- Sửa chữa máy móc, thiết bị
- Khai thác quặng sắt (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép)
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Mua bán điện
- Cho thuê xe có động cơ: Cho thuê ô tô
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (trừ mặt hàng Nhà nước cấm)
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu: Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại.

## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

## **2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

## **2.3 Công cụ tài chính**

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.5 Các khoản phải thu**



Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## 2.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.7 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 40 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 10 năm
- Phương tiện vận tải	04 – 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 08 năm

## 2.8 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

## 2.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.



Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

### **2.10 Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **2.11 Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### **2.12 Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

### **2.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.



## 2.14 Ghi nhận doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hoá đơn phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15 - Hợp đồng xây dựng.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn;

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập.



## 2.15 Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.16 Các khoản thuế

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm tài chính hiện hành và các năm tài chính trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

## 2.17 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt	475.116.467	1.414.762.408
Tiền gửi ngân hàng	9.349.752.132	16.930.189.911
Các khoản tương đương tiền	6.000.000.000	-
	<u><b>15.824.868.599</b></u>	<u><b>18.344.952.319</b></u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây với tổng giá trị là 6 tỷ đồng, lãi suất 4,55%/năm.

## 4. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VNĐ	VNĐ
Phải thu về người lao động	746.081.919	978.923.631
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	16.683.333	-
Phải thu về khối lượng đã hoàn thành Công trình Thủy điện Trung Sơn	-	1.705.751.569



Phải thu tiền vật tư tạm ứng cho các công trình	1.017.633.393	-
Phải thu tiền tạm ứng lương cho người lao động	302.279.483	-
Phải thu khác	82.012.811	463.940.621
	<b>2.164.690.939</b>	<b>3.148.615.821</b>

**5. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2014	01/01/2014
	VNĐ	VNĐ
Nguyên liệu, vật liệu	6.910.015.793	4.355.645.835
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	70.917.745.303	42.571.535.389
- Công trình thủy điện Lai Châu	5.536.459.495	9.196.996.000
- Công trình Đường Sông	2.243.367.970	12.935.782.000
- Công trình Núi Pháo - Thái Nguyên	10.130.281.048	249.626.320
- Công trình Quốc lộ 1 - Phú Yên	6.853.461.220	10.016.500
- Dự án cải tạo sông Ninh Cơ	13.993.219.199	-
- Dự án Sân phân phối Long Phú	15.232.373.840	-
- Công trình khác	16.928.582.531	20.179.114.569
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(21.037.532)	(21.037.532)
	<b>77.806.723.564</b>	<b>46.906.143.692</b>

**6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Năm 2014	Năm 2013
	VNĐ	VNĐ
Tại ngày 01/01	-	-
Tăng trong năm	845.232.300	-
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(614.288.150)	-
	<b>230.944.150</b>	<b>-</b>

**Tại ngày 31/12**

**Chi tiết số dư cuối năm bao gồm:**

	31/12/2014	01/01/2014
	VNĐ	VNĐ
Chi phí trả trước về tiền thuê văn phòng	230.944.150	-
	<b>230.944.150</b>	<b>-</b>

**7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VNĐ	VNĐ
Tạm ứng	3.589.082.553	4.626.791.202
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	13.000.000	-
	<b>3.602.082.553</b>	<b>4.626.791.202</b>



**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 01/01/2014	11.221.128.927	30.460.702.649	26.995.475.267	327.732.372	69.005.039.215
Mua sắm	-	15.475.079.637	8.923.774.271	-	24.398.853.908
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(489.844.300)	-	(489.844.300)
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>11.221.128.927</b>	<b>45.935.782.286</b>	<b>35.429.405.238</b>	<b>327.732.372</b>	<b>92.914.048.823</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Tại ngày 01/01/2014	5.676.052.344	12.743.794.104	7.183.706.628	124.832.306	25.728.385.382
Trích khấu hao	280.528.224	3.347.072.961	3.060.031.426	61.284.516	6.748.917.127
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(451.455.428)	-	(451.455.428)
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>5.956.580.568</b>	<b>16.090.867.065</b>	<b>9.792.282.626</b>	<b>186.116.822</b>	<b>32.025.847.081</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2014	5.545.076.583	17.716.908.545	19.811.768.639	202.900.066	43.276.653.833
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>5.264.548.359</b>	<b>29.844.915.221</b>	<b>25.637.122.612</b>	<b>141.615.550</b>	<b>60.888.201.742</b>

*Trong đó:*

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 59.788.549.489 VND
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.135.677.938 VND





## 9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	Năm 2014	Năm 2013
	VNĐ	VNĐ
Tại ngày 01/01	831.947.221	2.226.066.740
Tăng trong năm	24.783.541.181	6.116.820.414
Kết chuyển tăng tài sản cố định	(24.398.853.908)	(7.510.939.933)
Giảm khác	(2.727.273)	-
<b>Tại ngày 31/12</b>	<b>1.213.907.221</b>	<b>831.947.221</b>
<b>Chi tiết số dư cuối năm bao gồm:</b>		
	31/12/2014	01/01/2014
	VNĐ	VNĐ
Xây dựng cơ bản dở dang	1.213.907.221	-
Chi phí xây dựng văn phòng tại Đà Nẵng	1.213.907.221	-
	<b>1.213.907.221</b>	<b>-</b>

## 10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2014	Năm 2013
	VNĐ	VNĐ
Tại ngày 01/01	907.199.208	802.173.272
Tăng trong năm	2.922.705.993	1.396.683.577
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(1.543.064.848)	(1.291.657.641)
<b>Tại ngày 31/12</b>	<b>2.286.840.353</b>	<b>907.199.208</b>
<b>Chi tiết số dư cuối năm bao gồm:</b>		
	31/12/2014	01/01/2014
	VNĐ	VNĐ
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.850.551.493	907.199.208
Chi phí sửa chữa văn phòng	436.288.860	-
	<b>2.286.840.353</b>	<b>907.199.208</b>

## 11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VNĐ	VNĐ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>78.364.849.996</b>	<b>52.701.837.150</b>
Vay ngân hàng	78.364.849.996	49.881.731.594
Vay đối tượng khác	-	2.820.105.556
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>8.080.392.000</b>	<b>3.938.042.000</b>
Vay dài hạn đến hạn trả	8.080.392.000	3.938.042.000
(Xem thuyết minh 15)		
	<b>86.445.241.996</b>	<b>56.639.879.150</b>



**Chi tiết vay ngắn hạn**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây <sup>(1)</sup>	71.986.699.591	49.881.731.594
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đông Anh <sup>(2)</sup>	6.378.150.405	-
Vay cá nhân	-	2.820.105.556
	<b><u>78.364.849.996</u></b>	<b><u>52.701.837.150</u></b>

**Chi tiết nợ dài hạn đến hạn trả**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	6.857.150.000	2.896.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam - CN Hùng Vương	1.042.042.000	1.042.042.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đông Anh	122.000.000	-
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	59.200.000	-
	<b><u>8.080.392.000</u></b>	<b><u>3.938.042.000</u></b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn**

a. Hợp đồng tín dụng số 01/2014/283367/HĐTD ngày 20/06/2014, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 80 tỷ đồng gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;
- + Thời hạn rút vốn của hợp đồng: đến hết 30/06/2015;
- + Lãi suất cho vay: được xác định cụ thể trong từng thời kỳ;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo quy định tại Hợp đồng.

b. Hợp đồng tín dụng số DAH-HĐCTD/14039 ngày 23/07/2014, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 10 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn rút vốn của hợp đồng: không quá 12 tháng kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực;
- + Lãi suất cho vay: được xác định cụ thể trong từng thời kỳ;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.





## 12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VNĐ	VNĐ
Thuế Giá trị gia tăng	913.214.697	6.012.937.033
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.819.655.670	4.360.104.181
Thuế Thu nhập cá nhân	994.579.111	719.772.018
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	286.759.450	286.759.450
Các loại thuế khác	5.190.507	5.190.507
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.620.419.329	238.196.705
	<b><u>7.639.818.764</u></b>	<b><u>11.622.959.894</u></b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

## 13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	01/01/2014
	VNĐ	VNĐ
Chi phí lãi vay phải trả	148.682.555	130.808.310
Trích trước chi phí công trình Núi Pháo	3.942.212.727	-
Trích trước chi phí công trình Kè Sông Hồng	83.333.636	-
Chi phí phải trả khác	46.590.684	24.772.502
	<b><u>4.220.819.602</u></b>	<b><u>155.580.812</u></b>

## 14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VNĐ	VNĐ
Kinh phí công đoàn	56.304.865	269.241.694
Bảo hiểm xã hội	416.196.192	621.459.928
Bảo hiểm thất nghiệp	10.772.282	7.921.890
Phải trả cổ tức cho cổ đông	-	2.450.000.000
Phụ phí phải trả CTCP Sông Đà 9	-	231.762.446
Lãi BHXH chậm nộp	284.982.033	224.031.344
Phải trả tiền vật tư nhận ứng trước cho các công trình	503.181.900	-
Phải trả, phải nộp khác	915.808.005	849.464.526
	<b><u>2.187.245.277</u></b>	<b><u>4.653.881.828</u></b>

**15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VNĐ	VNĐ
<b>Vay dài hạn</b>	<b>12.435.003.776</b>	<b>10.780.755.776</b>
Vay ngân hàng	12.227.803.776	10.780.755.776
Vay đối tượng khác	207.200.000	-
	<b><u>12.435.003.776</u></b>	<b><u>10.780.755.776</u></b>
<b>Chi tiết vay dài hạn</b>		
	31/12/2014	01/01/2014
	VNĐ	VNĐ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Hà Tây <sup>(1)</sup>	9.859.287.776	9.217.697.776
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Hùng Vương <sup>(2)</sup>	521.016.000	1.563.058.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đông Anh <sup>(3)</sup>	1.847.500.000	-
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà <sup>(4)</sup>	207.200.000	-
	<b><u>12.435.003.776</u></b>	<b><u>10.780.755.776</u></b>





**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2014**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9**

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn**

STT	Ngân hàng	Hạn mức vay	Lãi suất	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2014 (VND)	Số dư nợ gốc phải trả trong năm tới (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo tiền vay
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây				16.716.437.776	6.857.150.000		
	HĐTD số 01/2010/HĐ ngày 16/12/2010 và phụ lục bổ sung	749.150.000	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	749.150.000	749.150.000	Đầu tư 04 máy xúc bánh xích - Nâng cao năng lực thiết bị thi công	Thế chấp
	HĐTD số 01/2011/HĐ ngày 17/06/2011	265.000.000	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	265.000.000	176.000.000	Đầu tư 01 máy ủi - Nâng cao năng lực thiết bị thi công	Thế chấp
	HĐTD số 02/2011/HĐ ngày 07/10/2011 và phụ lục bổ sung	3.195.000.000	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	3.195.000.000	1.800.000.000	Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2011	Thế chấp
	HĐTD số 01/2012/HĐ ngày 26/06/2012	500.000.000	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	500.000.000	200.000.000	Đầu tư cho dự án đầu tư xe máy thiết bị năm 2012 - Giai đoạn 1	Thế chấp
	HĐTD số 02/2012/HĐ ngày 29/10/2012 và phụ lục bổ sung	6.137.287.776	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	6.137.287.776	2.200.000.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2012 - Giai đoạn 1	Thế chấp



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2014**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9**

STT	Ngân hàng	Hạn mức vay	Lãi suất	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2014 (VND)	Số dư nợ gốc phải trả trong năm tới (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo tiền vay
	HĐTĐ số 02/2014/ 283367/ HĐTD ngày 18/09/2014	1.387.000.000	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	1.387.000.000	292.000.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 3	Thế chấp
	HĐTĐ số 03/2014/ 283367/ HĐTD ngày 20/11/2014	4.193.000.000	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	4.193.000.000	1.380.000.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 5	Thế chấp
	HĐTĐ số .../2014/ 283367/ HĐTD ngày .../.../2014	290.000.000	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	290.000.000	60.000.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 6	Thế chấp
<b>2</b>	<b>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Hùng Vương</b>				<b>1.563.058.000</b>	<b>1.042.042.000</b>		
	HĐTĐ số 1482 LAV 201000624 ngày 30/12/2010	5.210.205.000	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	1.563.058.000	1.042.042.000	Đầu tư mua 02 máy xúc Model SK330-8	Thế chấp
<b>3</b>	<b>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đồng Anh</b>				<b>1.969.500.000</b>	<b>122.000.000</b>		
	HĐTĐ số DAH- HDC/14082 ngày 22/09/2014	610.000.000	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	579.500.000	122.000.000	Thanh toán một phần tiền mua xe Ranger Wildtrak 3.2	Thế chấp





**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2014**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9**

STT	Ngân hàng	Hạn mức vay	Lãi suất	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2014 (VND)	Số dư nợ gốc phải trả trong năm tới (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo tiền vay
	HĐTD số DAH-HĐCTD/14084 ngày 10/10/2014	3.830.000.000	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	390.000.000	-	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 3	Thế chấp
	HĐTD số DAH-HĐCTD/14102 ngày 24/10/2014	4.050.000.000	Được quy định trong từng thời kỳ	42 tháng	1.000.000.000	-	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 4	Thế chấp
<b>4</b>	<b>Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà</b>				<b>266.400.000</b>	<b>59.200.000</b>		
	HĐTD số 00200114/003/14/HĐTD ngày 16/05/2014	296.345.000	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	266.400.000	59.200.000	Đầu tư xe ô tô tải để nâng cao năng lực thiết bị thi công	Thế chấp
	<b>Tổng cộng</b>				<b>20.515.395.776</b>	<b>8.080.392.000</b>		



**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a/ Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND				
Tại ngày 01/01/2013	50.000.000.000	644.512.439	270.835.704	7.566.729.686	58.482.077.829	
Lãi trong năm	-	-	-	6.715.245.345	6.715.245.345	
Phân phối lợi nhuận	-	1.336.307.976	322.016.544	(7.473.550.990)	(5.815.226.470)	
Giảm khác	-	-	-	(11.000.000)	(11.000.000)	
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>1.980.820.415</b>	<b>592.852.248</b>	<b>6.797.424.041</b>	<b>59.371.096.704</b>	
Lãi trong năm	-	-	-	8.142.876.894	8.142.876.894	
Phân phối lợi nhuận	-	640.424.535	320.212.267	(1.772.976.429)	(812.339.627)	
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>2.621.244.950</b>	<b>913.064.515</b>	<b>13.167.324.506</b>	<b>66.701.633.971</b>	

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/NQ-SINCO-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 04 năm 2014, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2013 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	6.704.245.345
Trích Quỹ đầu tư phát triển	9,55%	640.424.535
Trích Quỹ dự phòng tài chính	4,78%	320.212.267
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7,64%	512.339.627
Thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách	4,47%	300.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	73,55%	4.931.268.916





**b/ Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	31/12/2014 VNĐ	Tỷ lệ (%)	01/01/2014 VNĐ
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	0,00%	-	51,00%	25.500.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	5,00%	2.500.000.000	0,00%	-
Ông Đào Gia Thắng	7,26%	3.630.000.000	0,00%	-
Ông Nguyễn Công Hùng	2,74%	1.371.000.000	0,00%	-
Vốn góp của cổ đông khác	85,00%	42.499.000.000	49,00%	24.500.000.000
	<b>100%</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>50.000.000.000</b>

Đến thời điểm 16/12/2014, Công ty Cổ phần Sông Đà 9 đã thoái toàn bộ vốn tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà với tổng số lượng cổ phiếu là 2.550.000 cổ phiếu, tương đương với giá trị 25,5 tỷ đồng.

**c/ Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2014 VNĐ	Năm 2013 VNĐ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	9.859.287.776	9.217.697.776
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	521.016.000	1.563.058.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	1.847.500.000	-
	<b>12.435.003.776</b>	<b>10.780.755.776</b>

**d/ Cổ phiếu**

	31/12/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.000.000	5.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VNĐ)	10.000	10.000

**e/ Các quỹ công ty**

	31/12/2014 VNĐ	01/01/2014 VNĐ
Quỹ đầu tư phát triển	2.621.244.950	1.980.820.415
Quỹ dự phòng tài chính	913.064.515	592.852.248
	<b>3.534.309.465</b>	<b>2.573.672.663</b>



**17. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2014	Năm 2013
	VNĐ	VNĐ
Doanh thu hoạt động xây lắp	205.174.781.179	168.934.760.010
Doanh thu bán hàng hóa	12.403.639.678	14.561.381.543
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.388.403.579	915.140.148
	<b><u>218.966.824.436</u></b>	<b><u>184.411.281.701</u></b>

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2014	Năm 2013
	VNĐ	VNĐ
Giá vốn của hoạt động xây lắp	172.795.289.441	144.831.662.210
Giá vốn của hàng hóa đã bán	11.307.599.284	13.014.521.930
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.196.207.960	948.189.755
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	21.037.532
	<b><u>185.299.096.685</u></b>	<b><u>158.815.411.427</u></b>

**19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2014	Năm 2013
	VNĐ	VNĐ
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	51.951.223	134.596.865
	<b><u>51.951.223</u></b>	<b><u>134.596.865</u></b>

**20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2014	Năm 2013
	VNĐ	VNĐ
Lãi tiền vay	6.573.837.893	6.185.114.766
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	17.812.659
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	61.146	-
	<b><u>6.573.899.039</u></b>	<b><u>6.202.927.425</u></b>

**21. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2014	Năm 2013
	VNĐ	VNĐ
Chi phí dịch vụ mua ngoài	174.045.456	93.867.348
	<b><u>174.045.456</u></b>	<b><u>93.867.348</u></b>



**22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2014	Năm 2013
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	1.193.003.994	1.225.510.883
Chi phí nhân công	7.378.590.967	4.946.693.202
Chi phí khấu hao tài sản cố định	701.799.945	659.794.314
Thuế, phí, lệ phí	271.835.359	202.583.150
Chi phí dự phòng	-	625.805.931
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.879.373.452	692.204.763
Chi phí khác bằng tiền	1.841.200.548	1.519.415.310
	<b>13.265.804.265</b>	<b>9.872.007.553</b>

**23. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2014	Năm 2013
	VNĐ	VNĐ
Thu nhập từ thanh lý tài sản	75.795.455	-
Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng	-	367.060.500
Tiền thưởng mua xi măng từ CTCP Xi măng Hạ Long	15.089.027	255.788.000
Thu nhập khác	7.150.000	5.352.815
	<b>98.034.482</b>	<b>628.201.315</b>

**24. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2014	Năm 2013
	VNĐ	VNĐ
Chi phí thanh lý tài sản	38.388.872	-
Tiền phạt và truy thu thuế	2.530.030.745	395.776.864
Tiền phạt chậm nộp BHXH	64.228.052	124.363.230
Chi phí khác	-	1.850.000
	<b>2.632.647.669</b>	<b>521.990.094</b>

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2014	Năm 2013
	VNĐ	VNĐ
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.171.317.027	9.127.657.158
Các khoản điều chỉnh tăng	2.594.319.943	521.990.094
- Chi phí không hợp lệ	2.594.258.797	521.990.094
i. Chênh lệch tỷ giá	61.146	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	13.765.636.970	9.649.647.252
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	25%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>3.028.440.133</b>	<b>2.412.411.813</b>



Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay	10.006.818	156.253.806
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	4.360.104.181	3.422.013.331
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(4.578.895.462)	(1.630.574.769)
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm</b>	<b>2.819.655.670</b>	<b>4.360.104.181</b>

## 26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	8.142.876.894	6.715.245.345
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	8.142.876.894	6.715.245.345
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	5.000.000	5.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.629</b>	<b>1.343</b>

## 27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	38.230.736.124	45.241.207.239
Chi phí nhân công	15.651.767.099	13.158.769.199
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.748.917.127	5.612.362.827
Chi phí dịch vụ mua ngoài	108.528.459.898	58.511.794.214
Chi phí khác bằng tiền	44.485.426.351	31.090.726.200
<b></b>	<b>213.645.306.599</b>	<b>153.614.859.679</b>

## 28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.824.868.599	-	18.344.952.319	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	108.399.160.048	(604.768.399)	82.427.948.220	(604.768.399)
	<b>124.224.028.647</b>	<b>(604.768.399)</b>	<b>100.772.900.539</b>	<b>(604.768.399)</b>



	Giá trị số kế toán	
	31/12/2014	01/01/2014
	VNĐ	VNĐ
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	98.880.245.772	67.420.634.926
Phải trả người bán, phải trả khác	37.979.158.960	28.654.191.632
Chi phí phải trả	4.220.819.602	155.580.812
	<b>141.080.224.334</b>	<b>96.230.407.370</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

#### **Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### **Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

##### *Rủi ro về tỷ giá hối đoái:*

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

##### *Rủi ro về lãi suất:*

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công

ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VNĐ	Trên 1 năm đến 5 năm VNĐ	Trên 5 năm VNĐ	Cộng VNĐ
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.824.868.599	-	-	15.824.868.599
Phải thu khách hàng, phải thu khác	107.794.391.649	-	-	107.794.391.649
	<b><u>123.619.260.248</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>123.619.260.248</u></b>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.344.952.319	-	-	18.344.952.319
Phải thu khách hàng, phải thu khác	81.823.179.821	-	-	81.823.179.821
	<b><u>100.168.132.140</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>100.168.132.140</u></b>

#### **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VNĐ	Trên 1 năm đến 5 năm VNĐ	Trên 5 năm VNĐ	Cộng VNĐ
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>				
Vay và nợ	86.445.241.996	12.435.003.776	-	98.880.245.772
Phải trả người bán, phải trả khác	37.979.158.960	-	-	37.979.158.960
Chi phí phải trả	4.220.819.602	-	-	4.220.819.602
	<b><u>128.645.220.558</u></b>	<b><u>12.435.003.776</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>141.080.224.334</u></b>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>				
Vay và nợ	56.639.879.150	10.780.755.776	-	67.420.634.926
Phải trả người bán, phải trả khác	28.654.191.632	-	-	28.654.191.632
Chi phí phải trả	155.580.812	-	-	155.580.812
	<b><u>85.449.651.594</u></b>	<b><u>10.780.755.776</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>96.230.407.370</u></b>



Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

## **29. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Ngày 29/01/2015, Công ty thực hiện tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường và thông qua Nghị quyết số 01/NQ-SICCO-ĐHĐCĐ ngày 29/01/2015 về một số nội dung liên quan đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2015 và những năm tiếp theo. Theo đó, Công ty sẽ tăng vốn điều lệ thông qua phương án chào bán cho cổ đông hiện hữu với số lượng 4.250.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, phát hành thêm 500.000 cổ phiếu để tạm ứng cổ tức năm 2014 cho các cổ đông và chào bán 250.000 cổ phiếu cho các cán bộ công nhân viên. Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán thêm là 5.000.000 cổ phiếu, tương ứng với giá trị là 50 tỷ đồng. Đồng thời Công ty cũng dự kiến phát hành 500.000 trái phiếu chuyển đổi, không có tài sản đảm bảo với mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu, kỳ hạn 03 năm, lãi suất 9%/năm.

Ông Nguyễn Công Hùng thôi giữ chức vụ Giám đốc điều hành Công ty từ ngày 16/01/2015 theo Quyết định số 01/QĐ-SICCO-HĐQT ngày 16/01/2015 của Hội đồng Quản trị Công ty. Đồng thời ông Hoàng Công Tuấn được bổ nhiệm làm Giám đốc điều hành Công ty kể từ ngày 16/01/2015 theo Quyết định số 02/QĐ-SICCO-HĐQT ngày 16/01/2015 của Hội đồng Quản trị Công ty.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2014**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9**

**30. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động xây lắp VND	Hoạt động bán hàng hóa VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Tổng cộng các bộ phận VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	205.174.781.179	12.403.639.678	1.388.403.579	218.966.824.436	218.966.824.436
Chi phí bộ phận trực tiếp	172.795.289.441	11.307.599.284	1.196.207.960	185.299.096.685	185.299.096.685
<b>Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>32.379.491.738</b>	<b>1.096.040.394</b>	<b>192.195.619</b>	<b>33.667.727.751</b>	<b>33.667.727.751</b>
Tài sản bộ phận trực tiếp	217.067.398.170	6.888.978.261	30.901.670.971	254.858.047.402	254.858.047.402
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	19.522.634.954
<b>Tổng tài sản</b>	<b>217.067.398.170</b>	<b>6.888.978.261</b>	<b>30.901.670.971</b>	<b>254.858.047.402</b>	<b>274.380.682.356</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	185.658.463.112	2.384.711.900	-	188.043.175.012	188.043.175.012
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	19.635.873.373
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>185.658.463.112</b>	<b>2.384.711.900</b>	<b>-</b>	<b>188.043.175.012</b>	<b>207.679.048.385</b>

**Theo khu vực địa lý**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam do vậy Công ty không thực hiện lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



### 31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2014	Năm 2013
	VNĐ	VNĐ
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.268.807.915	856.787.088

### 32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Trong năm 2014, Công ty thực hiện thay đổi phương pháp lập Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ, theo đó báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2013 được lập lại theo phương pháp gián tiếp để so sánh với số liệu năm nay.

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

**Lê Thị Thu Hiền**  
Người lập

**Trần Kim Sơn**  
Kế toán trưởng

**Hoàng Công Tuấn**  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9**  
**GIÁM ĐỐC**



*Hoàng Công Tuấn*  
**Hoàng Công Tuấn**

